BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# TIẾNG VIỆT 2

## TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
BÙI MẠNH HÙNG – TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Đồng Chủ biên)
LÊ THỊ LAN ANH – TRỊNH CẨM LAN
CHU THỊ PHƯƠNG – ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

# TIẾNG VIỆT 2

## TẬP HAI

*(Tái bản lần thứ năm)*

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

## Kí hiệu dùng trong sách

Khởi động

Đọc văn bản

Trả lời câu hỏi

Luyện tập theo văn bản đọc

Luyện từ và câu

Luyện viết đoạn

Vận dụng

M: Mẫu

G: Gợi ý

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Việc viết hoa trong sách *Tiếng Việt 2* được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư do Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2020.

---

***Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.***

---

# MỤC LỤC


| Tuần | Bài | Nội dung | Trang |
|---|---|---|---|
| | | **VẺ ĐẸP QUANH EM** | 8 |
| 19 | Bài 1 | **Đọc**: *Chuyện bốn mùa* | 9 |
| | | **Viết**: Chữ hoa Q | 10 |
| | | **Nói và nghe**: Kể chuyện *Chuyện bốn mùa* | 11 |
| | Bài 2 | **Đọc**: *Mùa nước nổi* | 12 |
| | | **Viết**: | 13 |
| | | – Nghe – viết: *Mùa nước nổi* | |
| | | – Phân biệt: *c/k, ch/tr, ac/at* | |
| | | **Luyện tập**: | 14 |
| | | – Mở rộng vốn từ về các mùa; Dấu chấm, dấu chấm hỏi | |
| | | – Viết đoạn văn tả một đồ vật | |
| | | **Đọc mở rộng** | 15 |
| 20 | Bài 3 | **Đọc**: *Hoạ mi hót* | 16 |
| | | **Viết**: Chữ hoa R | 17 |
| | | **Nói và nghe**: Kể chuyện *Hồ nước và mây* | 18 |
| | Bài 4 | **Đọc**: *Tết đến rồi* | 19 |
| | | **Viết**: | 20 |
| | | – Nghe – viết: *Tết đến rồi* | |
| | | – Phân biệt: *g/gh, s/x, uc/ut* | |
| | | **Luyện tập**: | 21 |
| | | – Mở rộng vốn từ về ngày Tết; Dấu chấm, dấu chấm hỏi | |
| | | – Viết thiệp chúc Tết | |
| | | **Đọc mở rộng** | 22 |
| 21 | Bài 5 | **Đọc**: *Giọt nước và biển lớn* | 23 |
| | | **Viết**: Chữ hoa S | 24 |
| | | **Nói và nghe**: Kể chuyện *Chiếc đèn lồng* | 25 |
| | Bài 6 | **Đọc**: *Mùa vàng* | 26 |
| | | **Viết**: | 27 |
| | | – Nghe – viết: *Mùa vàng* | |
| | | – Phân biệt: *ng/ngh, r/d/gi, uc/ut* | |
| | | **Luyện tập**: | 28 |
| | | – Mở rộng vốn từ về cây cối | |
| | | – Viết đoạn văn kể về việc chăm sóc cây cối | |
| | | **Đọc mở rộng** | 30 |

| Tuần | Bài | Nội dung | Trang |
|---|---|---|---|
| 22 | Bài 7 | **Đọc**: *Hạt thóc*<br>**Viết**: Chữ hoa Ê<br>**Nói và nghe**: Kể chuyện *Sự tích cây khoai lang* | 31<br>33<br>33 |
| | Bài 8 | **Đọc**: *Luỹ tre*<br>**Viết**:<br>– Nghe – viết: *Luỹ tre*<br>– Phân biệt: *uynh/uych, l/n, iêt/iêc*<br>**Luyện tập**:<br>– Mở rộng vốn từ về thiên nhiên; Câu nêu đặc điểm<br>– Viết đoạn văn kể lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia<br>**Đọc mở rộng** | 34<br>35<br><br><br><br>36<br><br><br><br>37 |
| | | **HÀNH TINH XANH CỦA EM** | 38 |
| 23 | Bài 9 | **Đọc**: *Vè chim*<br>**Viết**: Chữ hoa Ư, Ư<br>**Nói và nghe**: Kể chuyện *Cảm ơn hoạ mi* | 39<br>41<br>41 |
| | Bài 10 | **Đọc**: *Khủng long*<br>**Viết**:<br>– Nghe – viết: *Khủng long*<br>– Phân biệt: *uya/uyu, iêu/ươu, uôt/uôc*<br>**Luyện tập**:<br>– Mở rộng vốn từ về muông thú; Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than<br>– Viết đoạn văn giới thiệu tranh ảnh về một con vật<br>**Đọc mở rộng** | 42<br>44<br><br><br><br>44<br><br><br><br>45 |
| 24 | Bài 11 | **Đọc**: *Sự tích cây thì là*<br>**Viết**: Chữ hoa Ỳ<br>**Nói và nghe**: Kể chuyện *Sự tích cây thì là* | 46<br>48<br>48 |
| | Bài 12 | **Đọc**: *Bờ tre đón khách*<br>**Viết**:<br>– Nghe – viết: *Bờ tre đón khách*<br>– Phân biệt: *d/gi, iu/ưu, ươc/ươt*<br>**Luyện tập**:<br>– Mở rộng vốn từ về vật nuôi; Câu nêu đặc điểm của các loài vật<br>– Viết đoạn văn kể về hoạt động của con vật<br>**Đọc mở rộng** | 49<br>51<br><br><br><br>52<br><br><br><br>53 |

| Tuần | Bài | Nội dung | Trang |
|---|---|---|---|
| 25 | Bài 13 | **Đọc**: *Tiếng chổi tre*<br>**Viết**: Chữ hoa 𝒳<br>**Nói và nghe**: Kể chuyện *Hạt giống nhỏ* | 54<br>55<br>56 |
| | Bài 14 | **Đọc**: *Cỏ non cười rồi*<br>**Viết**:<br>– Nghe – viết: *Cỏ non cười rồi*<br>– Phân biệt: *ng/ngh, tr/ch, êt/êch*<br>**Luyện tập**:<br>– Mở rộng vốn từ về bảo vệ môi trường; Dấu phẩy<br>– Viết lời xin lỗi<br>**Đọc mở rộng** | 57<br>58<br><br><br>59<br><br><br>60 |
| 26 | Bài 15 | **Đọc**: *Những con sao biển*<br>**Viết**: Chữ hoa 𝒴<br>**Nói và nghe**: Bảo vệ môi trường | 61<br>63<br>63 |
| | Bài 16 | **Đọc**: *Tạm biệt cánh cam*<br>**Viết**:<br>– Nghe – viết: *Tạm biệt cánh cam*<br>– Phân biệt: *oanh/oach, s/x, dấu hỏi/dấu ngã*<br>**Luyện tập**:<br>– Mở rộng vốn từ về các loài vật nhỏ bé; Dấu chấm, dấu chấm hỏi<br>– Viết đoạn văn kể về việc làm để bảo vệ môi trường<br>**Đọc mở rộng** | 64<br>65<br><br><br>66<br><br><br><br>67 |
| 27 | | **Ôn tập giữa học kì 2** | 68 |
| | | **GIAO TIẾP VÀ KẾT NỐI** | 76 |
| 28 | Bài 17 | **Đọc**: *Những cách chào độc đáo*<br>**Viết**: Chữ hoa 𝒜 (kiểu 2)<br>**Nói và nghe**: Kể chuyện *Lớp học viết thư* | 77<br>78<br>79 |
| | Bài 18 | **Đọc**: *Thư viện biết đi*<br>**Viết**:<br>– Nghe – viết: *Thư viện biết đi*<br>– Phân biệt: *d/gi, ch/tr, dấu hỏi/dấu ngã*<br>**Luyện tập**:<br>– Luyện tập sử dụng dấu câu: dấu chấm, dấu chấm than, dấu phẩy<br>– Viết đoạn văn giới thiệu một đồ dùng học tập<br>**Đọc mở rộng** | 80<br>82<br><br><br>82<br><br><br><br>83 |


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

| Tuần | Bài | Nội dung | Trang |
|---|---|---|---|
| 29 | Bài 19 | **Đọc**: *Cảm ơn anh hà mã* | 84 |
| | | **Viết**: Chữ hoa 𝔐 (kiểu 2) | 86 |
| | | **Nói và nghe**: Kể chuyện *Cảm ơn anh hà mã* | 86 |
| | Bài 20 | **Đọc**: *Từ chú bồ câu đến in-tơ-nét* | 87 |
| | | **Viết**: | 88 |
| | | – Nghe – viết: *Từ chú bồ câu đến in-tơ-nét* | |
| | | – Phân biệt: *eo/oe, l/n, ên/ênh* | |
| | | **Luyện tập**: | 89 |
| | | – Mở rộng vốn từ về giao tiếp, kết nối; Dấu chấm, dấu phẩy | |
| | | – Viết đoạn văn tả một đồ dùng trong gia đình | |
| | | **Đọc mở rộng** | 90 |
| | | **CON NGƯỜI VIỆT NAM** | 91 |
| 30 | Bài 21 | **Đọc**: *Mai An Tiêm* | 92 |
| | | **Viết**: Chữ hoa 𝔐 (kiểu 2) | 94 |
| | | **Nói và nghe**: Kể chuyện *Mai An Tiêm* | 94 |
| | Bài 22 | **Đọc**: *Thư gửi bố ngoài đảo* | 95 |
| | | **Viết**: | 97 |
| | | – Nghe – viết: *Thư gửi bố ngoài đảo* | |
| | | – Phân biệt: *d/gi, s/x, ip/iêp* | |
| | | **Luyện tập**: | 98 |
| | | – Mở rộng vốn từ về nghề nghiệp | |
| | | – Viết lời cảm ơn các chú bộ đội hải quân | |
| | | **Đọc mở rộng** | 99 |
| 31 | Bài 23 | **Đọc**: *Bóp nát quả cam* | 100 |
| | | **Viết**: Chữ hoa 𝔔 (kiểu 2) | 102 |
| | | **Nói và nghe**: Kể chuyện *Bóp nát quả cam* | 103 |
| | Bài 24 | **Đọc**: *Chiếc rễ đa tròn* | 104 |
| | | **Viết**: | 106 |
| | | – Nghe – viết: *Chiếc rễ đa tròn* | |
| | | – Viết hoa tên người; Phân biệt: *iu/ưu, im/iêm* | |
| | | **Luyện tập**: | 107 |
| | | – Mở rộng vốn từ về Bác Hồ và nhân dân | |
| | | – Viết đoạn văn kể một sự việc | |
| | | **Đọc mở rộng** | 108 |

| Tuần | Bài | Nội dung | Trang |
|---|---|---|---|
| | | **VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG EM** | 109 |
| 32 | Bài 25 | **Đọc**: *Đất nước chúng mình*<br>**Viết**: Chữ hoa Ư (kiểu 2)<br>**Nói và nghe**: Kể chuyện *Thánh Gióng* | 110<br>112<br>112 |
| | Bài 26 | **Đọc**: *Trên các miền đất nước*<br>**Viết**:<br>– Nghe – viết: *Trên các miền đất nước*<br>– Viết hoa tên riêng địa lí; Phân biệt: *ch/tr, iu/iêu*<br>**Luyện tập**:<br>– Mở rộng vốn từ về sản phẩm truyền thống của đất nước; Câu giới thiệu<br>– Viết đoạn văn giới thiệu một đồ vật được làm từ tre hoặc gỗ<br>**Đọc mở rộng** | 113<br>115<br><br><br>116<br><br><br><br><br>118 |
| 33 | Bài 27 | **Đọc**: *Chuyện quả bầu*<br>**Viết**: Ôn chữ hoa A, M, N (kiểu 2)<br>**Nói và nghe**: Kể chuyện *Chuyện quả bầu* | 119<br>121<br>121 |
| | Bài 28 | **Đọc**: *Khám phá đáy biển ở Trường Sa*<br>**Viết**:<br>– Nghe – viết: *Khám phá đáy biển ở Trường Sa*<br>– Phân biệt: *it/uyt, ươu/iêu, in/inh*<br>**Luyện tập**:<br>– Mở rộng vốn từ về các loài vật dưới biển; Dấu chấm, dấu phẩy<br>– Viết đoạn văn kể về một buổi đi chơi<br>**Đọc mở rộng** | 122<br>123<br><br><br>124<br><br><br><br>125 |
| 34 | Bài 29 | **Đọc**: *Hồ Gươm*<br>**Viết**: Ôn chữ hoa Q, Ư (kiểu 2)<br>**Nói và nghe**: Nói về quê hương, đất nước em | 126<br>127<br>128 |
| | Bài 30 | **Đọc**: *Cánh đồng quê em*<br>**Viết**:<br>– Nghe – viết: *Cánh đồng quê em*<br>– Viết hoa tên riêng địa lí; Phân biệt: *r/d/gi, dấu hỏi/ dấu ngã*<br>**Luyện tập**:<br>– Mở rộng vốn từ về nghề nghiệp<br>– Viết đoạn văn kể về công việc của một người<br>**Đọc mở rộng** | 129<br>130<br><br><br>131<br><br><br><br>132 |
| 35 | | **Ôn tập và Đánh giá cuối học kì 2** | 133 |

# VẺ ĐẸP QUANH EM

Tuần 19

Bài 1

# CHUYỆN BỐN MÙA

## ĐỌC

Nói về thời tiết ngày hôm nay tại nơi em ở.

### CHUYỆN BỐN MÙA

Ngày đầu năm, bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông gặp nhau. Đông cầm tay Xuân bảo:

– Chị là người sung sướng nhất. Ai cũng yêu chị. Chị về, cây nào cũng đâm chồi nảy lộc.

Xuân nói:

– Nhưng nhờ có em Hạ, cây trong vườn mới đơm trái ngọt, học sinh mới được nghỉ hè.

Nàng Hạ tinh nghịch xen vào:

– Thế mà thiếu nhi lại thích em Thu nhất. Không có Thu, làm sao có đêm trăng Rằm rước đèn, phá cỗ,...

Giọng buồn buồn, Đông nói:

– Chỉ có em là chẳng ai yêu.

Thu đặt tay lên vai Đông, thủ thỉ:

– Có em mới có bập bùng bếp lửa nhà sàn, mọi người mới có giấc ngủ ấm trong chăn.

Bốn nàng tiên mải chuyện trò, không biết bà Đất đã đến từ lúc nào. Bà nói:

– Xuân làm cho cây lá tươi tốt. Hạ cho trái ngọt, hoa thơm. Thu làm cho trời xanh cao, học sinh nhớ ngày tựu trường. Còn cháu Đông, cháu có công ấp ủ mầm sống để xuân về cây cối đâm chồi nảy lộc. Các cháu đều có ích, đều đáng yêu.

(*Theo* Từ Nguyên Tĩnh)

**Từ ngữ**

– *Đâm chồi*: mọc ra những mầm non.

– *Đơm*: nảy ra.

1. Bốn nàng tiên tượng trưng cho những mùa nào trong năm?
2. Theo nàng tiên mùa hạ, vì sao thiếu nhi thích mùa thu?
3. Dựa vào bài đọc, nói tên mùa phù hợp với mỗi tranh.

4. Vì sao bà Đất nói cả bốn nàng tiên đều có ích và đáng yêu?

1. Câu nào dưới đây là câu nêu đặc điểm?

a. Bốn nàng tiên cầm tay nhau trò chuyện.

b. Các cháu đều có ích, đều đáng yêu.

2. Trò chơi *Hỏi nhanh đáp đúng*

| | |
|---|---|
| Mùa xuân có gì? | Mùa xuân có (…). |

**VIẾT**

1. Viết chữ hoa: 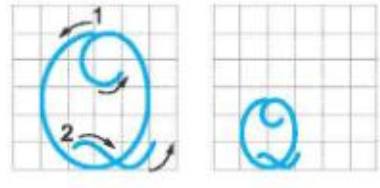

2. Viết ứng dụng: Quê hương em có đồng lúa xanh.

## NÓI VÀ NGHE

**1.** Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, nói về nội dung của từng tranh.

### Chuyện bốn mùa

1

Nàng tiên mùa đông nói gì với nàng tiên mùa xuân?

2

Theo nàng tiên mùa xuân, vườn cây vào mùa hạ như thế nào?

3

Nàng tiên mùa hạ nói gì về nàng tiên mùa thu?

4

Nàng tiên mùa thu thủ thỉ với nàng tiên mùa đông điều gì?

**2.** Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Nói với người thân về nàng tiên em thích nhất trong câu chuyện trên.

Bài 2

# MÙA NƯỚC NỔI

## ĐỌC

Bức tranh vẽ cảnh gì?

### MÙA NƯỚC NỔI

Mùa này, người làng tôi gọi là mùa nước nổi, không gọi là mùa nước lũ, vì nước lên hiền hoà. Nước mỗi ngày một dâng lên. Mưa dầm dề, mưa sướt mướt ngày này qua ngày khác.

Rồi đến Rằm tháng Bảy. "Rằm tháng Bảy nước nhảy lên bờ". Dòng sông Cửu Long đã no đầy, lại tràn qua bờ. Nước trong ao hồ, trong đồng ruộng của mùa mưa hoà lẫn với nước dòng sông Cửu Long.

Đồng ruộng, vườn tược và cây cỏ như biết giữ lại hạt phù sa ở quanh mình, nước lại trong dần. Ngồi trong nhà, ta thấy cả những đàn cá ròng ròng, từng đàn, từng đàn theo cá mẹ xuôi theo dòng nước, vào tận đồng sâu.

Ngủ một đêm, sáng dậy, nước ngập lên những viên gạch. Phải lấy ván, lấy tre làm cầu từ cửa trước vào đến tận bếp. Vui quá! Có cả một cây cầu lắt lẻo ngay dưới mái nhà.

(*Theo* Nguyễn Quang Sáng)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**Từ ngữ**

– *Cá ròng ròng* (cá lòng ròng): loài cá lóc nhỏ, thường bơi theo đàn vào mùa nước nổi.

– *Cửu Long*: một con sông lớn ở miền Nam nước ta.

– *Phù sa*: đất, cát nhỏ mịn, hoà tan trong dòng nước hoặc lắng đọng lại ở bờ sông, bãi bồi.

1. Vì sao người ta gọi là mùa nước nổi mà không gọi là mùa nước lũ?
2. Cảnh vật trong mùa nước nổi thế nào?
   – Sông nước
   – Đồng ruộng, vườn tược, cây cỏ
   – Đàn cá ròng ròng
3. Vì sao vào mùa nước nổi, người ta phải làm cầu từ cửa trước vào đến tận bếp?
4. Em thích nhất hình ảnh nào trong bài?

1. Từ nào chỉ đặc điểm của mưa có trong bài đọc?

| | | | |
|---|---|---|---|
| dầm dề | rả rích | sướt mướt | dai dẳng |

2. Tìm thêm từ ngữ tả mưa.

   M: *ào ào*

## VIẾT

1. Nghe – viết: *Mùa nước nổi* (từ *Đồng ruộng* đến *đồng sâu*).
2. Tìm tên sự vật có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k*.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**3.** Chọn a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

cây ■e　　■ải tóc　　quả ■anh

■e mưa　　■ải nghiệm　　bức ■anh

b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *ac* hoặc *at*.

M: *ac*: thác nước

*at*: hạt cát

## LUYỆN TẬP

1. Nói tên mùa và đặc điểm của các mùa ở miền Bắc.

2. Nói tên mùa và đặc điểm của các mùa ở miền Nam.

3. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu chấm hỏi* thay cho ô vuông.

– Ở miền Bắc, mùa nào trời lạnh■

– Ở miền Bắc, mùa đông trời lạnh■

– Ở miền Nam, nắng nhiều vào mùa nào

– Ở miền Nam, nắng nhiều vào mùa khô

– Sau cơn mưa, cây cối như thế nào

– Sau cơn mưa, cây cối tốt tươi

1. Quan sát các hình dưới đây:

a. Kể tên các đồ vật.

b. Chọn 1 – 2 đồ vật yêu thích và nói về đặc điểm, công dụng của chúng.

2. Viết 3 – 5 câu tả một đồ vật em cần dùng để tránh nắng hoặc tránh mưa.

G:

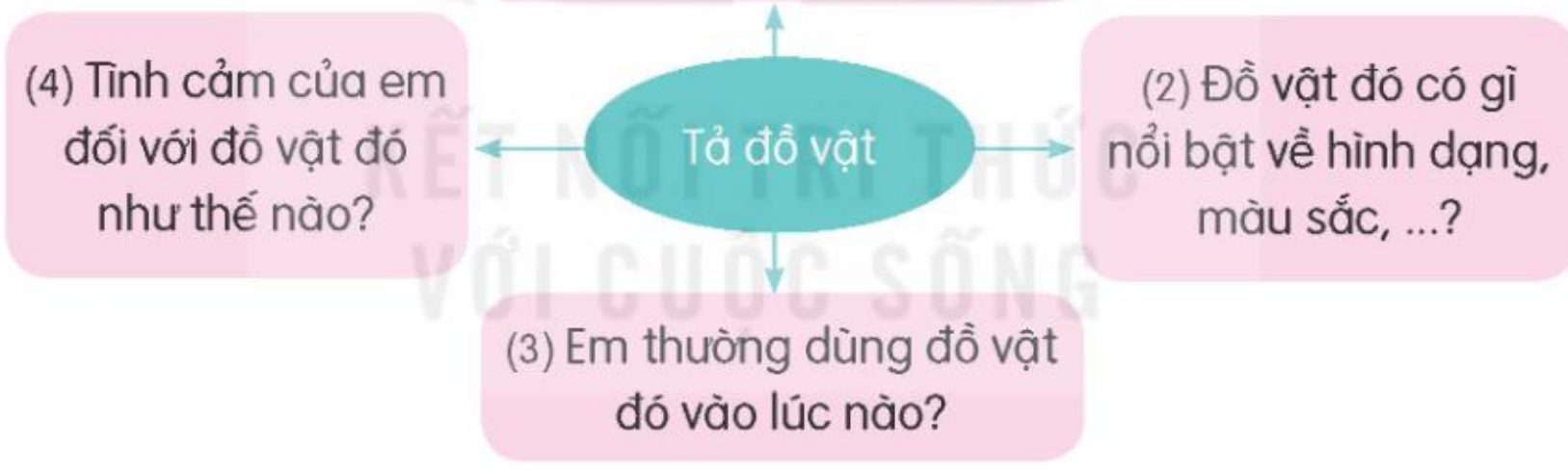


## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một câu chuyện, bài thơ viết về các mùa trong năm.
2. Chia sẻ với các bạn điều em thích nhất trong câu chuyện, bài thơ đã đọc.

| Tên câu chuyện, bài thơ. | Điều em thích nhất trong câu chuyện, bài thơ đó. |
|---|---|

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 20

Bài 3

# HOẠ MI HÓT

## ĐỌC

Hình ảnh trong bức tranh thể hiện mùa nào trong năm?

## HOẠ MI HÓT

Mùa xuân! Mỗi khi hoạ mi cất lên những tiếng hót vang lừng, mọi vật như có sự thay đổi kì diệu.

Trời bỗng sáng thêm ra. Những luồng sáng chiếu qua các chùm lộc mới nhú, rực rỡ hơn. Những gợn sóng trên hồ hoà nhịp với tiếng hoạ mi hót, lấp lánh thêm. Da trời bỗng xanh hơn, những làn mây trắng trắng hơn, xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn. Các loài hoa nghe tiếng hót trong suốt của hoạ mi chợt bừng giấc, xoè những cánh hoa đẹp, bày đủ các màu sắc xanh tươi. Tiếng hót dìu dặt của hoạ mi giục các loài chim dạo lên những khúc nhạc tưng bừng, ngợi ca núi sông đang đổi mới.

Chim, mây, nước và hoa đều cho rằng tiếng hót kì diệu của hoạ mi đã làm cho tất cả bừng tỉnh giấc… Hoạ mi thấy lòng vui sướng, cố hót hay hơn.

(*Theo* Võ Quảng)

**Từ ngữ**

– *Luồng sáng*: ánh sáng di chuyển theo một chiều nhất định.

– *Lộc*: lá mới bắt đầu mọc vào mùa xuân.

– *Dìu dặt*: âm thanh lúc nhanh, lúc chậm một cách nhịp nhàng và êm nhẹ.

1. Tiếng hót kì diệu của hoạ mi đã làm cho những sự vật trên bầu trời thay đổi như thế nào?
2. Những gợn sóng trên hồ có thay đổi gì khi hoà nhịp với tiếng hoạ mi hót?
3. Nói tiếp sự thay đổi của các sự vật trên mặt đất khi nghe hoạ mi hót.

   a. Các loài hoa (…).

   b. Các loài chim (…).
4. Nếu được đặt tên cho bài đọc, em sẽ chọn tên nào?

   a. Sứ giả của mùa xuân

   b. Hoạ mi và mùa xuân

   c. Hoạ mi hót

1. Tìm trong bài đọc từ ngữ tả tiếng hót của hoạ mi.
2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

## VIẾT

1. Viết chữ hoa: 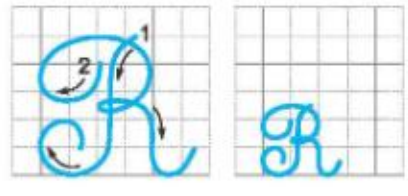
2. Viết ứng dụng: Rừng cây vươn mình đón nắng mai.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## NÓI VÀ NGHE

**1.** Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

### Hồ nước và mây

(Theo *Truyện kể cho thiếu nhi*)

Vào một ngày cuối xuân, hồ nước và mây nói với nhau điều gì?

Dưới nắng hè gay gắt, hồ nước lên tiếng cầu cứu ai?

Vì sao chị mây bay về hồ nước và cho mưa xuống?

Qua mùa thu, sang mùa đông, chuyện gì xảy ra với chị mây?

**2.** Nghe kể chuyện.

**3.** Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Nói với người thân về điều em đã học được từ câu chuyện trên.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4

# TẾT ĐẾN RỒI

## ĐỌC

Nói những điều em biết về ngày Tết.

## TẾT ĐẾN RỒI

Tết là khởi đầu cho một năm mới, là dịp lễ được mong chờ nhất trong năm.

Vào dịp Tết, các gia đình thường gói bánh chưng hoặc bánh tét. Bánh chưng hình vuông, gói bằng lá dong. Bánh tét hình trụ, thường gói bằng lá chuối. Cả hai loại bánh đều làm từ gạo nếp, đỗ xanh, thịt lợn.

Mai và đào là những loài hoa đặc trưng cho Tết ở hai miền Nam, Bắc. Hoa mai rực rỡ sắc vàng. Hoa đào thường có màu hồng tươi, xen lẫn lá xanh và nụ hồng chúm chím.

Ngày Tết, người lớn thường tặng trẻ em những bao lì xì xinh xắn, với mong ước các em mạnh khoẻ, giỏi giang. Tết là dịp mọi người quây quần bên nhau và dành cho nhau những lời chúc tốt đẹp.

(Ánh Dương)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## Từ ngữ

*Đặc trưng*: đặc điểm riêng, tiêu biểu.

1. Sắp xếp các ý dưới đây theo trình tự các đoạn trong bài đọc.

| | |
|---|---|
| 1 Nói về hoa mai, hoa đào | 2 Giới thiệu chung về Tết |
| 3 Nói về hoạt động của mọi người trong dịp Tết | 4 Nói về bánh chưng, bánh tét |

2. Người ta dùng những gì để làm bánh chưng, bánh tét?
3. Người lớn mong ước điều gì khi tặng bao lì xì cho trẻ em?
4. Em thích những hoạt động nào của gia đình em trong dịp Tết?

1. Tìm trong bài những từ ngữ miêu tả:
   a. hoa mai
   b. hoa đào
2. Đặt một câu giới thiệu về loài hoa em thích.
   M: Đào là loài hoa đặc trưng cho Tết ở miền Bắc.

## VIẾT

1. Nghe – viết:

**Tết đến rồi**

Vào dịp Tết, các gia đình thường gói bánh chưng hoặc bánh tét. Người lớn thường tặng trẻ em những bao lì xì xinh xắn với mong ước các em mạnh khoẻ, giỏi giang. Tết là dịp mọi người quây quần bên nhau và dành cho nhau những lời chúc tốt đẹp.

**2.** Chọn *g* hoặc *gh* thay cho ô vuông.

Chị tre chải tóc bên ao
Nàng mây áo trắng □é vào soi □ương.

(*Theo* Trần Đăng Khoa)

**3.** Chọn a hoặc b.

a. Tìm tiếng ghép được với *sinh* hoặc *xinh*.

M: *sinh*: sinh sống

*xinh*: xinh đẹp

b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *uc* hoặc *ut*.

M: *uc*: chúc mừng

*ut*: sút bóng

## LUYỆN TẬP

**1.** Quan sát tranh và thực hiện các yêu cầu:

a. Tìm từ ngữ chỉ sự vật.

M: lá dong

b. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động.

M: lau lá dong

c. Sắp xếp các hoạt động theo trình tự của việc làm bánh chưng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Hỏi – đáp về việc thường làm trong dịp Tết. Viết vào vở một câu hỏi và một câu trả lời.

M: – Bạn thường làm gì vào dịp Tết?

– Vào dịp Tết, mình thường đi thăm họ hàng.

1. Đọc các tấm thiệp dưới đây và trả lời câu hỏi.

a. Mỗi tấm thiệp trên là của ai viết gửi đến ai?

b. Mỗi tấm thiệp đó được viết trong dịp nào?

c. Người viết chúc điều gì?

2. Em hãy viết một tấm thiệp chúc Tết gửi cho một người bạn hoặc người thân ở xa.

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ hoặc một câu chuyện về ngày Tết.
2. Chia sẻ với các bạn câu thơ hay trong bài thơ hoặc điều em thích trong câu chuyện.

Bài 5

# GIỌT NƯỚC VÀ BIỂN LỚN

## ĐỌC

Theo em, nước mưa rơi xuống sẽ đi đâu?

### GIỌT NƯỚC VÀ BIỂN LỚN

Tí ta tí tách
Từng giọt
Từng giọt
Mưa rơi
Rơi rơi.
Góp lại bao ngày
Thành dòng suối nhỏ
Lượn trên bãi cỏ
Chảy xuống chân đồi.

Suối gặp bạn rồi
Góp thành sông lớn
Sông đi ra biển
Biển thành mênh mông.

Biển ơi, có biết
Biển lớn vô cùng
Từng giọt nước trong
Làm nên biển đấy!

(Nguyễn Bao)

**Từ ngữ**

*Lượn*: uốn theo đường vòng.

1. Kể tên các sự vật được nhắc đến trong bài thơ.
2. Những gì góp phần tạo nên dòng suối nhỏ?
3. Những dòng sông từ đâu mà có?
4. Nói về hành trình giọt nước đi ra biển.

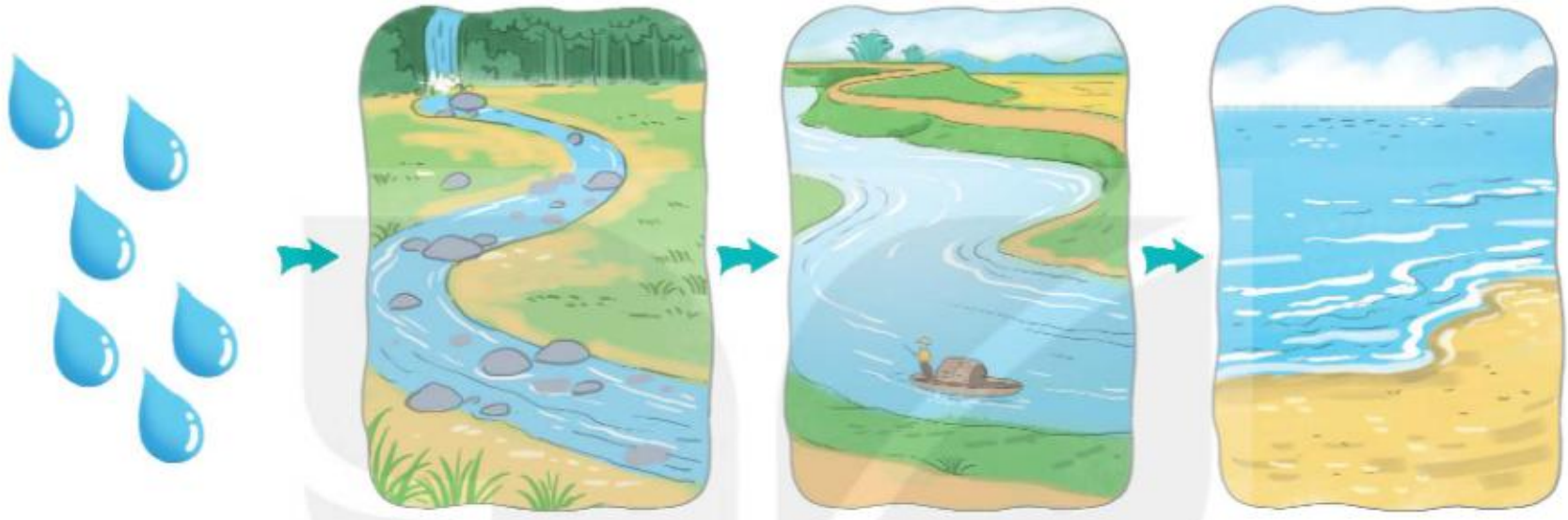

1. Mỗi từ dưới đây tả sự vật nào trong bài thơ?

2. Đóng vai biển, em hãy nói lời cảm ơn giọt nước.

## VIẾT

1. Viết chữ hoa: 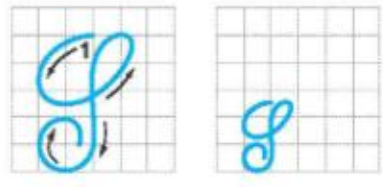
2. Viết ứng dụng: Suối chảy róc rách qua khe đá.

## NÓI VÀ NGHE

**1.** Nghe kể chuyện.

### Chiếc đèn lồng

(Theo *101 truyện mẹ kể con nghe*)

Bác đom đóm già nghĩ gì khi nhìn bầy đom đóm nhỏ rước đèn lồng?

Bác đom đóm làm gì khi nghe tiếng khóc của ong non?

Chuyện gì xảy ra với bác đom đóm sau khi đưa ong non về nhà?

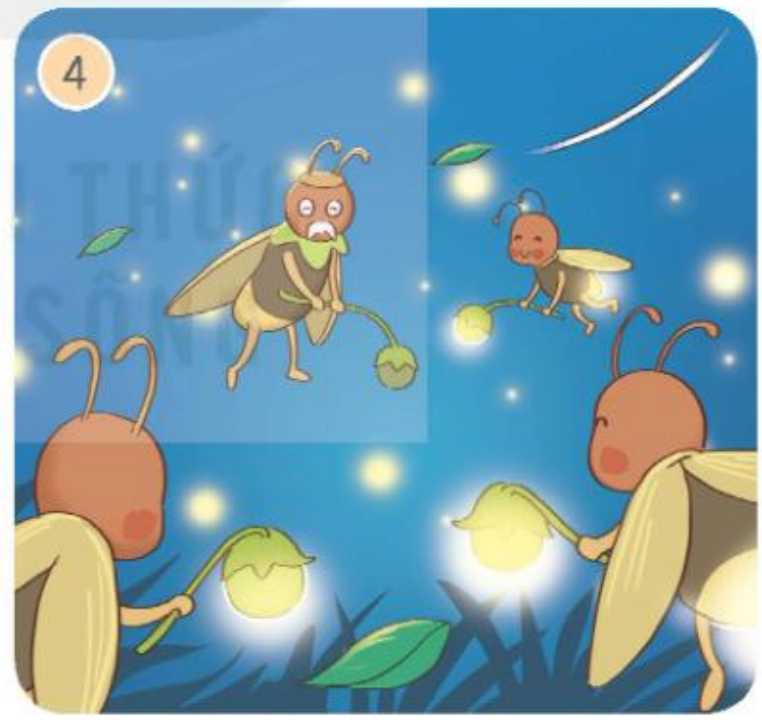


Điều gì khiến bác đom đóm cảm động?

**2.** Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Kể cho người thân về bác đom đóm già trong câu chuyện *Chiếc đèn lồng*.

Bài 6

# MÙA VÀNG

## ĐỌC

Giải câu đố

a. Tròn như quả bóng màu xanh
Đung đưa trên cành chờ tết Trung thu.

(*Là quả gì?*)

b. Quả gì vỏ có gai mềm
Đến khi chín đỏ thoạt nhìn tưởng hoa?

(*Là quả gì?*)

## MÙA VÀNG

Thu về, những quả hồng đỏ mọng, những hạt dẻ nâu bóng, những quả na mở to mắt, thơm dìu dịu. Biển lúa vàng ươm. Gió nổi lên và sóng lúa vàng dập dờn trải tới chân trời.

Minh ríu rít bên mẹ:

– Mẹ ơi, con thấy quả trên cây đều chín hết cả rồi. Các bạn ấy đang mong có người đến hái đấy. Nhìn quả chín ngon thế này, chắc các bác nông dân vui lắm mẹ nhỉ?

– Đúng thế con ạ.

– Nếu mùa nào cũng được thu hoạch thì thích lắm, phải không mẹ?

Mẹ âu yếm nhìn Minh và bảo:

– Con nói đúng đấy! Mùa nào thức ấy.

Nhưng để có sản phẩm thu hoạch, trước đó người nông dân phải làm rất nhiều việc. Họ phải cày bừa, gieo hạt và ươm mầm. Rồi mưa nắng, hạn hán, họ phải chăm sóc vườn cây, ruộng đồng. Nhờ thế mà cây lớn dần, ra hoa kết trái và chín rộ đấy.

– Mẹ ơi, con hiểu rồi. Công việc của các bác nông dân vất vả quá mẹ nhỉ?

(Theo *Những câu chuyện hay, những bài học quý*)

**Từ ngữ**

– *Dập dờn*: (lúa) chuyển động lên xuống nhịp nhàng theo gió.

– *Ươm mầm*: gieo hạt cho mọc thành cây non.

1. Những loài cây, loại quả nào được nói đến khi mùa thu về?
2. Bạn nhỏ nghĩ gì khi nhìn thấy quả chín?
3. Kể tên những công việc người nông dân phải làm để có sản phẩm thu hoạch.
4. Bài đọc giúp em hiểu điều gì?

1. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

| A | B |
|---|---|
| Quả hồng | vàng ươm. |
| Hạt dẻ | thơm dìu dịu. |
| Quả na | đỏ mọng. |
| Biển lúa | nâu bóng. |

2. Đặt một câu nêu đặc điểm của loài cây hoặc loại quả mà em thích.

## VIẾT

1. Nghe – viết:

**Mùa vàng**

Để có sản phẩm thu hoạch, người nông dân phải làm rất nhiều việc. Họ phải cày bừa, gieo hạt và ươm mầm. Rồi mưa nắng, hạn hán, họ phải đổ mồ hôi chăm sóc vườn cây, ruộng đồng. Nhờ thế mà cây lớn dần, ra hoa kết trái và chín rộ.

**2.** Tìm tiếng bắt đầu bằng *ng* hoặc *ngh* thay cho ô vuông.

Cuốc con về ▨ hè
Trong đầm sen bát ▨
Lá xanh xoè ô che
Hoa đưa hương ngào ngạt.

(*Theo* Nguyễn Văn Chương)

**3.** Chọn a hoặc b.

a. Chọn *r, d* hoặc *gi* thay cho ô vuông.

Mưa ▨ăng trên đồng
Uốn mềm ngọn lúa
Hoa xoan theo ▨ó
▨ải tím mặt đường.

(*Theo* Nguyễn Bao)

b. Chọn tiếng trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.

– Vườn cây tươi tốt nhờ công (*sức/ sứt*) ▨ lao động của cô bác nông dân.
– Đầu xuân, dân làng nô (*nức/ nứt*) ▨ ra đồng để trồng cấy.
– Nhiều loại củ, quả được dùng để làm (*mức/ mứt*) ▨ Tết.

## LUYỆN TẬP

1. Kể tên các loại cây lương thực, cây ăn quả mà em biết.

M: cây lúa

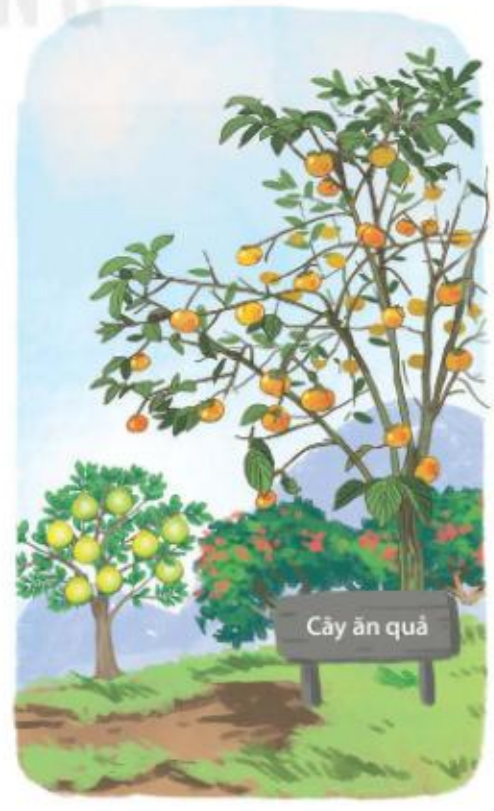


M: cây hồng

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động chăm sóc cây.

3. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu.

| A | B |
|---|---|
| Chúng em trồng cây | để giúp thành phố thêm xanh. |
| Ông cuốc đất | để bảo vệ cây. |
| Công nhân đô thị làm rào chắn | để trồng rau. |

1. Nhìn tranh, nói về việc bạn nhỏ đang làm.

VỚI CUỘC SỐNG

2. Viết 3 – 5 câu kể lại việc em và các bạn chăm sóc cây.

G:

– Em và các bạn đã làm việc gì để chăm sóc cây?

– Kết quả công việc ra sao?

– Em có suy nghĩ gì khi làm xong việc đó?

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Kể tên những câu chuyện viết về thiên nhiên mà em đã đọc.
2. Chia sẻ với các bạn những chi tiết thú vị trong câu chuyện.

# Bài 7 HẠT THÓC

## ĐỌC

Giải câu đố

Hạt gì nho nhỏ
Trong trắng, ngoài vàng
Xay, giã, giần, sàng
Nấu thành cơm dẻo?
(*Là hạt gì?*)

## HẠT THÓC

Tôi chỉ là hạt thóc
Sinh ra trên cánh đồng
Giấu trong mình câu chuyện
Một cuộc đời bão dông.

Tôi ngậm ánh nắng sớm
Tôi uống giọt sương mai
Tôi sống qua bão lũ
Tôi chịu nhiều thiên tai.

Dẫu hình hài bé nhỏ
Tôi trải cả bốn mùa
Dẫu bây giờ bình dị
Tôi có từ ngàn xưa.

Tôi chỉ là hạt thóc
Không biết hát biết cười
Nhưng tôi luôn có ích
Vì nuôi sống con người.

(Ngô Hoài Chung)

**Từ ngữ**

*Thiên tai*: những hiện tượng thiên nhiên gây tác động xấu như bão, lũ lụt, hạn hán, động đất,…

1. Hạt thóc được sinh ra ở đâu?
2. Những câu thơ nào cho thấy hạt thóc trải qua nhiều khó khăn?
3. Hạt thóc quý giá như thế nào với con người?
4. Em thích nhất câu thơ nào? Vì sao?

1. Từ nào trong bài thơ cho thấy hạt thóc tự kể chuyện về mình?
2. Đóng vai hạt thóc, tự giới thiệu về mình.

G:

– Tôi là (…).
– Tôi sinh ra từ (…).
– Tôi có ích vì (…).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## VIẾT

1. Viết chữ hoa: 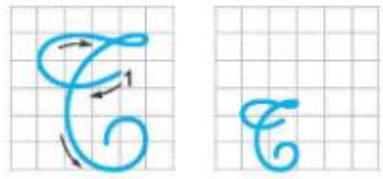

2. Viết ứng dụng: Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.

## NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

### Sự tích cây khoai lang

(Theo *Tuyển tập truyện, thơ, câu đố Mầm non*)

Hai bà cháu nghèo khổ làm gì để sinh sống?

Chuyện gì xảy ra với hai bà cháu khi rừng bị cháy?

Điều may mắn gì đã đến với hai bà cháu?

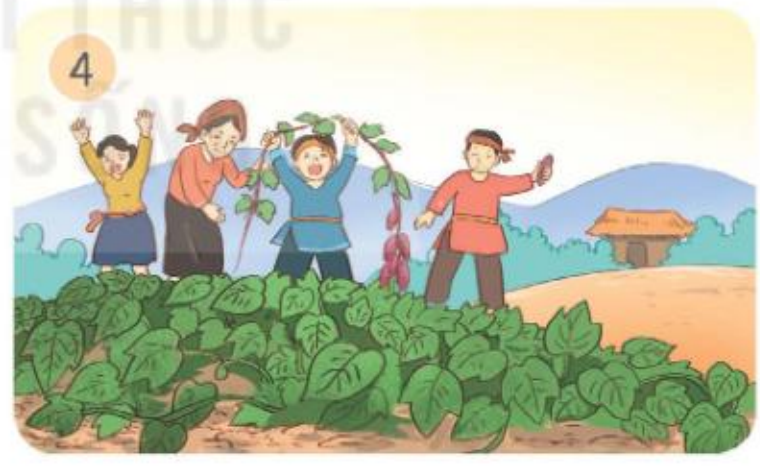


Hai bà cháu đã làm gì để giúp mọi người hết đói khổ?

2. Nghe kể chuyện.

3. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Kể cho người thân về những việc làm tốt của người cháu trong câu chuyện trên.

Bài 8

# LUỸ TRE

## ĐỌC

Giải câu đố

Cây gì mang dáng quê hương
Thân chia từng đốt, rợp đường em đi
Mầm non dành tặng thiếu nhi
Gắn trên huy hiệu, em ghi tạc lòng?

(*Là cây gì?*)

### LUỸ TRE

Mỗi sớm mai thức dậy
Luỹ tre xanh rì rào
Ngọn tre cong gọng vó
Kéo mặt trời lên cao.

Những trưa đồng đầy nắng
Trâu nằm nhai bóng râm
Tre bần thần nhớ gió
Chợt về đầy tiếng chim.

Mặt trời xuống núi ngủ
Tre nâng vầng trăng lên
Sao, sao treo đầy cành
Suốt đêm dài thắp sáng.

Bỗng gà lên tiếng gáy
Xôn xao ngoài luỹ tre
Đêm chuyển dần về sáng
Mầm măng đợi nắng về.

(Nguyễn Công Dương)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**Từ ngữ**

*Bần thần*: chỉ tâm trạng nhớ thương, lưu luyến, nghĩ ngợi.

1. Tìm những câu thơ miêu tả cây tre vào lúc mặt trời mọc.
2. Câu thơ nào ở khổ thơ thứ hai cho thấy tre cũng giống như người?
3. Ở khổ thơ thứ ba, hình ảnh luỹ tre được miêu tả vào những lúc nào?
4. Em thích hình ảnh nào nhất trong bài thơ?

1. Tìm từ ngữ chỉ thời gian trong bài thơ.
2. Tìm thêm những từ ngữ chỉ thời gian mà em biết.

## VIẾT

**1.** Nghe – viết: *Luỹ tre* (3 khổ thơ đầu).

**2.** Chọn *uynh* hoặc *uych* thay cho ô vuông.

– Các bạn chạy h□ h□ trên sân bóng.

– Nhà trường tổ chức họp phụ h□ vào Chủ nhật.

**3.** Chọn a hoặc b.

a. Chọn *l* hoặc *n* thay cho ô vuông.

Những hạt mưa li ti
Dịu dàng và mềm mại
Gọi mùa xuân ở □ại
Trên mắt chồi xanh □on.

(*Theo* Nguyễn Lãm Thắng)

b. Chọn *iêt* hoặc *iêc* thay cho ô vuông.

Bé đi dưới hàng cây
Chỉ thấy vòm lá b□́
Nhạc công vẫn mê say
Điệu bổng trầm tha th□́.

(*Theo* Nguyễn Lãm Thắng)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

2. Ghép từ ngữ chỉ sự vật với từ ngữ chỉ đặc điểm ở bài tập 1 để tạo 3 câu.

M: Bầu trời trong xanh.

3. Hỏi – đáp về đặc điểm của các sự vật *ngôi sao, dòng sông, nương lúa, bầu trời.*

M: – Bầu trời thế nào?

– Bầu trời **cao vời vợi**.

1. Nói về việc làm của từng người trong tranh.

Tham khảo đoạn văn sau:

Trên nương, mỗi người một việc. Người lớn đánh trâu ra cày. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Mấy chú bé bắc bếp thổi cơm. Các bà mẹ tra ngô. Các em bé ngủ khì trên lưng mẹ.

(*Theo* Tô Hoài)

2. Viết 3 – 5 câu kể về một sự việc em đã chứng kiến hoặc tham gia ở nơi em sống.

G:

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ về vẻ đẹp thiên nhiên. Trao đổi với các bạn suy nghĩ của em về bài thơ.
2. Viết vào vở một khổ thơ em thích.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# HÀNH TINH XANH CỦA EM

# Bài 9 VÈ CHIM

## ĐỌC

Nói về một loài chim mà em biết.

### VÈ CHIM

Hay chạy lon xon
Là gà mới nở
Vừa đi vừa nhảy
Là em sáo xinh
Hay nói linh tinh
Là con liếu điếu
Hay nghịch hay tếu
Là cậu chìa vôi
Hay chao đớp mồi
Là chim chèo bẻo
Tính hay mách lẻo
Thím khách trước nhà
Hay nhặt lân la
Là bà chim sẻ

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Có tình có nghĩa
Là mẹ chim sâu
Giục hè đến mau
Là cô tu hú
Nhấp nhem buồn ngủ
Là bác cú mèo...

(*Đồng dao*)

**Từ ngữ**

– (Chạy) *lon xon*: dáng chạy nhanh và trông rất đáng yêu.

– (Nhặt) *lân la*: nhặt loanh quanh, không đi xa.

– *Nhấp nhem*: (mắt) lúc nhắm lúc mở.

1. Kể tên các loài chim được nhắc đến trong bài vè.
2. Chơi đố vui về các loài chim.

M: – Chim gì vừa đi vừa nhảy?

– Chim sáo.

3. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động của các loài chim trong bài vè.

M: chạy lon xon

4. Dựa vào nội dung bài vè và hiểu biết của em, giới thiệu về một loài chim.

M: – Tên loài chim: sáo

– Đặc điểm: vừa đi vừa nhảy, hót hay

* Học thuộc lòng 8 dòng đầu trong bài vè.

1. Tìm những từ chỉ người được dùng để gọi các loài chim dưới đây:

bác cú mèo | em sáo xinh | cậu chìa vôi | cô tu hú

2. Đặt một câu với từ ngữ ở bài tập trên.

M: Bác cú mèo có đôi mắt rất tinh.

## VIẾT

1. Viết chữ hoa:

2. Viết ứng dụng: Rừng U Minh có nhiều loài chim quý.

## NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

### Cảm ơn hoạ mi

(Theo *Truyện cổ An-đéc-xen*)

Điều gì khiến nhà vua tự hào nhất ở vương quốc của mình?

Nhà vua được tặng gì? Vì sao hoạ mi trở về rừng xanh?

Điều gì xảy ra với món quà nhà vua được tặng?

Vì sao hoạ mi quay trở về hoàng cung cất tiếng hót đầy xúc cảm?

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Đóng vai chim hoạ mi, kể cho người thân các sự việc trong câu chuyện trên.

Bài 10

# KHỦNG LONG

## ĐỌC

Em đã nhìn thấy loài vật này ở đâu? Em biết gì về chúng?

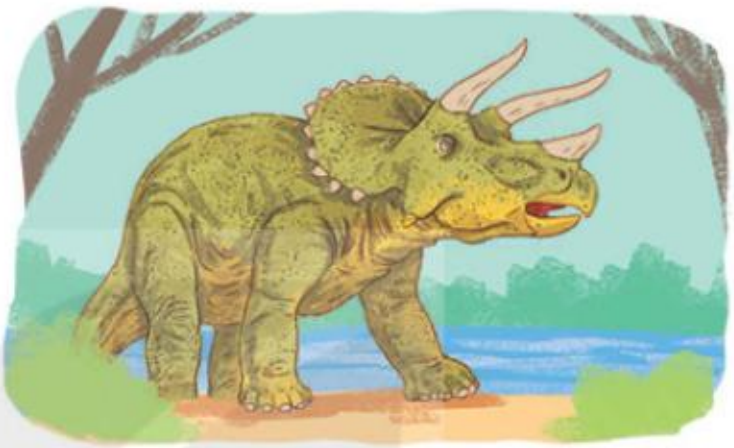

### KHỦNG LONG

Khủng long là loài vật thường sống thành bầy đàn ở các vùng đất khô.

Trong suy nghĩ của nhiều người, khủng long là loài vật khổng lồ. Nhưng trên thực tế, có loài khủng long chỉ bằng một chú chó nhỏ. Khủng long thường ăn thịt, cũng có một số loài ăn cỏ.

Chân khủng long thẳng và rất khoẻ. Vì thế chúng có thể đi khắp một vùng rộng lớn để kiếm ăn. Khủng long có khả năng săn mồi tốt nhờ có đôi mắt tinh tường cùng cái mũi và đôi tai thính. Khủng long cũng có khả năng tự vệ tốt nhờ vào cái đầu cứng và cái quất đuôi dũng mãnh.

Trước khi con người xuất hiện, khủng long đã bị tuyệt chủng. Vì thế, chúng ta sẽ không bao giờ có thể nhìn thấy khủng long thật.

(Hoài Anh *tổng hợp*)

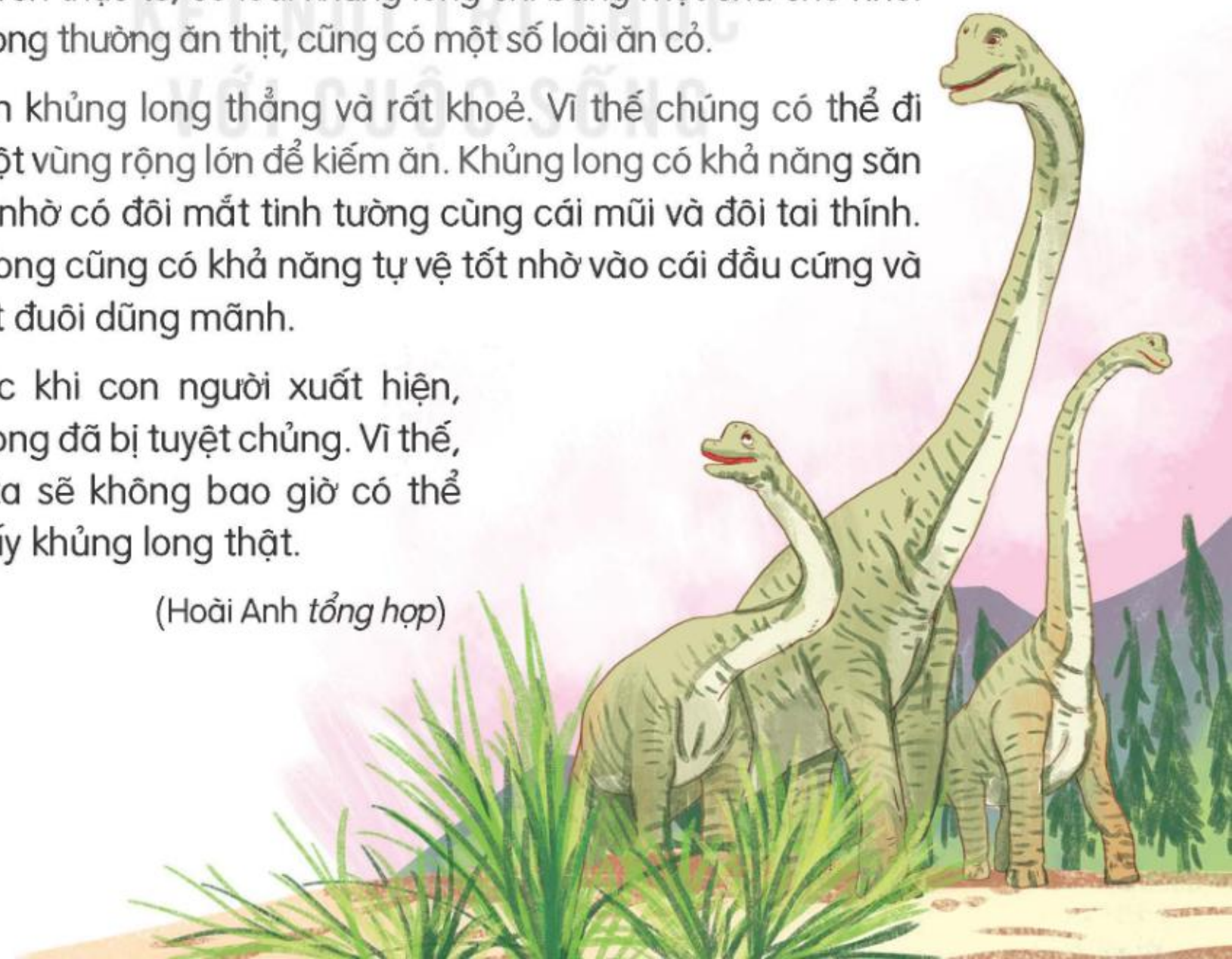

**Từ ngữ**

– *Tự vệ*: tự bảo vệ mình.

– *Dũng mãnh*: có sức mạnh trên mức bình thường.

– *Tuyệt chủng*: mất hẳn nòi giống.

1. Bài đọc cho biết những thông tin nào về khủng long?

a. thường sống ở các vùng đất khô

c. ăn cỏ hoặc ăn thịt

b. có kích thước khổng lồ

d. hung dữ

2. Những bộ phận nào giúp khủng long săn mồi tốt?

3. Nhờ đâu khủng long có khả năng tự vệ tốt?

4. Vì sao chúng ta không thể gặp khủng long thật?

1. Tìm trong bài từ ngữ dùng để tả các bộ phận của khủng long.

tai

mắt

đầu

chân

2. Hỏi – đáp về đặc điểm các bộ phận của khủng long.

M: – Đầu khủng long thế nào?

– Đầu khủng long **rất cứng**.

## VIẾT

**1.** Nghe – viết: *Khủng long* (từ *Chân khủng long* đến *đôi tai thính*).

**2.** Chọn *uya* hoặc *uyu* thay cho ô vuông.

a. Đường lên núi quanh co, khúc kh□.

b. Mẹ tôi thức kh□ dậy sớm làm mọi việc.

**3.** Chọn a hoặc b.

a. Nhìn hình, tìm từ ngữ chứa *iêu* hoặc *ươu* để gọi tên loài vật.

M: 1. diều hâu

b. Nhìn hình, tìm từ ngữ chứa *uôc* hoặc *uôt* để gọi tên loài vật.

M: 3. chim cuốc

## LUYỆN TẬP

**1.** Nói tên các con vật ẩn trong tranh.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động của các con vật sống trong rừng. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

M: leo – Khỉ đang leo cây.

3. Chọn *dấu chấm, dấu chấm hỏi* hoặc *dấu chấm than* thay cho ô vuông.

a. Con gì có cái vòi rất dài■

b. Con mèo đang trèo cây cau■

c. Con gì phi nhanh như gió■

d. Ôi, con công múa đẹp quá■

1. Nói tên con vật trong mỗi bức ảnh dưới đây:

2. Viết 3 – 5 câu giới thiệu tranh (ảnh) về một con vật em yêu thích.

G:

– Em nhìn thấy tranh (ảnh) ở đâu?

– Trong tranh (ảnh) có con vật nào? Con vật đó đang làm gì? Nó có đặc điểm gì nổi bật?

– Em có thích tranh (ảnh) đó không? Vì sao?

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc sách, báo viết về động vật hoang dã (hổ, báo, sư tử,...).
2. Giới thiệu với các bạn một số thông tin về loài động vật đó.

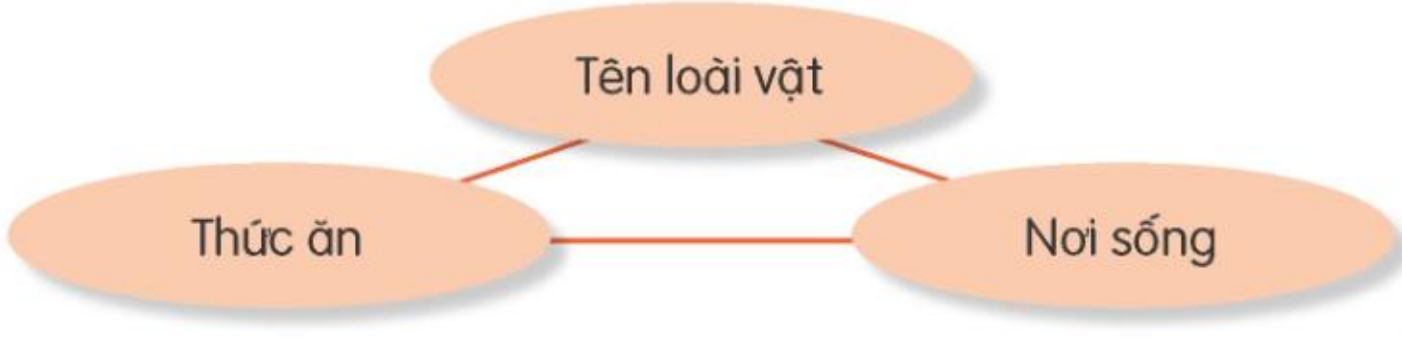


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 11

# SỰ TÍCH CÂY THÌ LÀ

## ĐỌC

Nói tên một số cây rau mà em biết.

## SỰ TÍCH CÂY THÌ LÀ

Ngày xưa, cây cối trên trái đất chưa có tên gọi. Trời bèn gọi chúng lên để đặt tên. Cây cối mừng rỡ kéo nhau lên trời. Trời chỉ tay vào từng cây và đặt tên:

– Chú thì ta đặt tên cho là cây dừa.

– Chú thì ta đặt tên cho là cây cau.

– Chú thì ta đặt tên cho là cây mít…

Trời đặt tên mãi mà vẫn chưa hết. Về sau, Trời chỉ nói vắn tắt:

– Chú thì là cây cải.

– Chú là cây ớt.

– Chú là cây tỏi…

Khi các loài cây đều đã có tên, bỗng một cái cây dáng mảnh khảnh, lá nhỏ xíu đến xin đặt tên.

– Chú bé tí xíu, chú có ích gì để ta đặt tên nào? – Trời hỏi.

Cây nhỏ liền thưa:

– Thưa Trời, khi nấu canh riêu cá hoặc làm chả cá, chả mực mà không có con thì mất cả ngon ạ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Trời liền bảo:

– Ừ, để ta nghĩ cho một cái tên. Tên chú thì… là… thì… là…

Trời còn đang suy nghĩ, cây nhỏ đã chạy đi xa rồi. Nó mừng rỡ khoe với bạn bè:

– Trời đặt tên cho tôi là cây "thì là" đấy!

(*Sự tích cây thì là* – Trịnh Mạnh kể)

**Từ ngữ**

*Mảnh khảnh*: cao gầy, nhỏ, trông có vẻ yếu ớt.

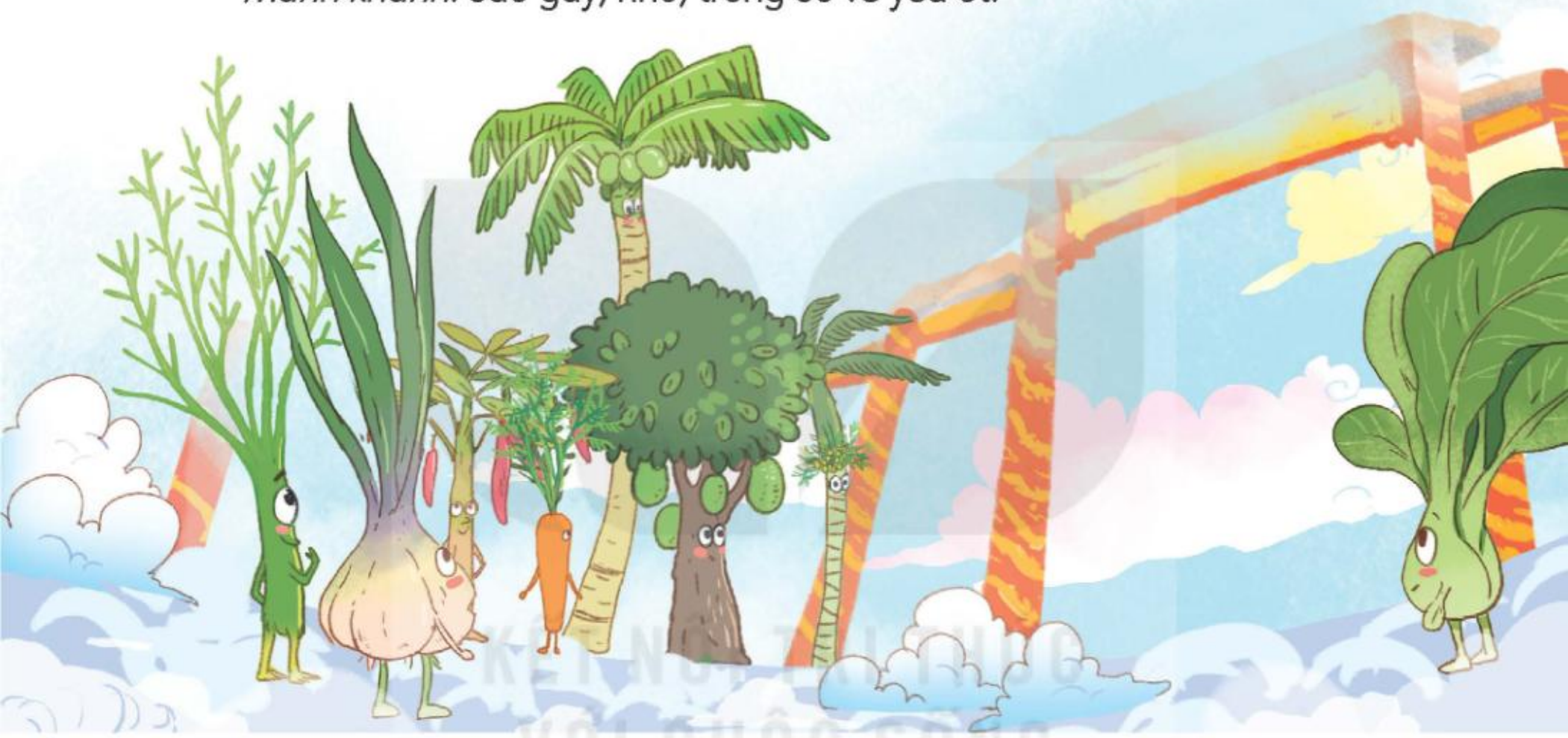

1. Đóng vai Trời và cây cối, diễn lại cảnh Trời đặt tên cho các loài cây.

   M: Trời: – Chú thì ta đặt tên cho là cây dừa.

   Cây dừa: – Con cảm ơn Trời ạ!

2. Để được Trời đặt tên, cái cây dáng mảnh khảnh, lá nhỏ xíu đã giới thiệu về mình như thế nào?
3. Vì sao cây này có tên là "thì là"?
4. Theo em, bạn bè của cây nhỏ sẽ nói gì khi nó khoe tên mình là cây "thì là"?

1. Đóng vai cây thì là, nói lời đề nghị Trời đặt tên.
2. Cùng bạn nói và đáp lời đề nghị chơi một trò chơi.

## VIẾT

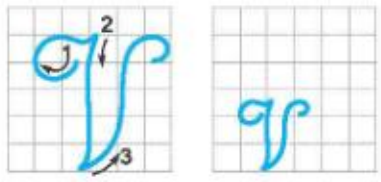

1. Viết chữ hoa:

2. Viết ứng dụng: Vườn cây quanh năm xanh tốt.

## NÓI VÀ NGHE

1. Nhắc lại sự việc trong từng tranh.

### Sự tích cây thì là

Cây cối lên trời làm gì?

Trời nói gì với các loài cây?

Cuộc nói chuyện giữa Trời và cây nhỏ diễn ra như thế nào?

Vì sao cây nhỏ có tên là "thì là"?

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Cùng người thân kể tên các loài cây ở xung quanh em.

# Bài 12 BỜ TRE ĐÓN KHÁCH

## ĐỌC

Quan sát tranh và nhận xét về cảnh vật được vẽ trong tranh.

## BỜ TRE ĐÓN KHÁCH

Bờ tre quanh hồ
Suốt ngày đón khách
Một đàn cò bạch
Hạ cánh reo mừng
Tre chợt tưng bừng
Nở đầy hoa trắng.

Đến chơi im lặng
Có bác bồ nông
Đứng nhìn mênh mông
Im như tượng đá.
Một chú bói cá
Đỗ xuống cành mềm
Chú vụt bay lên
Đậu vào chỗ cũ.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Ghé chơi đông đủ
Cả toán chim cu
Ca hát gật gù:
"Ồ, tre rất mát!".

Khách còn chú ếch
Ì ộp vang lừng
Gọi sao tưng bừng
Lúc ngày vừa tắt.

(Võ Quảng)

**Từ ngữ**

- *Cò bạch* (còn gọi là *cò trắng*): loài chim chân cao, cổ dài, mỏ nhọn, lông màu trắng.
- *Bồ nông*: loài chim mỏ to và dài, cổ có túi to đựng mồi.
- *Bói cá*: loài chim mỏ dài, hay nhào xuống nước để bắt cá.
- *Chim cu*: chim thuộc họ bồ câu, đầu nhỏ, ngực nở, đuôi vót.

1. Có những con vật nào đến thăm bờ tre?
2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B.

| A | B |
|---|---|
| đàn cò bạch | gật gù ca hát |
| chú bói cá | hạ cánh reo mừng |
| bầy chim cu | đứng im như tượng đá |
| chú ếch | đỗ xuống rồi bay lên |
| bác bồ nông | ì ộp vang lừng |

3. Câu thơ nào thể hiện niềm vui của bờ tre khi được đón khách?
4. Tìm tiếng cùng vần ở cuối các dòng thơ trong đoạn thơ thứ nhất.

* Học thuộc lòng 1 – 2 đoạn thơ em thích.

1. Tìm các từ ngữ trong bài thể hiện niềm vui của các con vật khi đến bờ tre.
2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## VIẾT

**1.** Nghe – viết: *Bờ tre đón khách* (từ *Bờ tre quanh hồ* đến *Đậu vào chỗ cũ*).

**2.** Chọn *d* hoặc *gi* thay cho ô vuông.

Cây ▨ừa xanh toả nhiều tàu

▨ang tay đón ▨ó, gật đầu gọi trăng.

(*Theo* Trần Đăng Khoa)

**3.** Chọn a hoặc b.

a. Chọn *iu* hoặc *ưu* thay cho ô vuông.

– Xe c▨ hoả chạy như bay đến nơi có đám cháy.

– Chim hót r▨ rít trong vòm cây.

– Cây bưởi nhà em quả sai tr▨ cành.

b. Chọn *ươc* hoặc *ươt* thay cho ô vuông.

– Hoa thược d▨ nở rực rỡ trong vườn.

– Những hàng liễu rủ th▨ tha bên hồ.

– N▨ ngập mênh mông.

## LUYỆN TẬP

1. Xếp từ vào nhóm thích hợp.

| Từ chỉ con vật | | Từ chỉ bộ phận của con vật | |
|---|---|---|---|
| đầu | dê | cổ | bò |
| chân | lợn | đuôi | cánh |
| mắt | mỏ | gà | vịt |

2. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm (bộ lông, đôi mắt, cặp sừng,…) của từng con vật trong hình.

3. Đặt một câu về một bộ phận của con vật nuôi trong nhà.

M: Lông gà con **vàng óng**.

1. Đọc đoạn văn sau và kể lại các hoạt động của nhà gấu vào mùa xuân, mùa thu và mùa đông.

## Nhà gấu ở trong rừng

Nhà gấu ở trong rừng. Mùa xuân, cả nhà gấu kéo nhau đi bẻ măng và uống mật ong. Mùa thu, gấu đi nhặt quả hạt dẻ. Gấu bố, gấu mẹ, gấu con cùng béo rung rinh, bước đi lặc lè, lặc lè. Béo đến nỗi khi mùa đông tới, suốt ba tháng rét, cả nhà gấu đứng tránh gió trong gốc cây, không cần đi kiếm ăn, chỉ mút hai bàn chân mỡ cũng đủ no.

(Tô Hoài)

2. Viết 3 – 5 câu kể lại hoạt động của một con vật mà em quan sát được.

G:

– Em muốn kể về con vật nào?

– Em đã được quan sát kĩ con vật đó ở đâu? Khi nào?

– Kể lại những hoạt động của con vật đó.

– Nêu nhận xét của em về con vật đó.

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Mang đến lớp sách, báo viết về một loài vật nuôi trong nhà.
2. Cùng đọc với các bạn và trao đổi một số thông tin về loài vật đó.

Tên loài vật đó là gì?

Loài vật đó ăn gì?

Đặc điểm nào khiến em nhớ nhất về loài vật đó?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 25

Bài 13

# TIẾNG CHỔI TRE

## ĐỌC

Đường phố trong 2 bức tranh dưới đây có gì khác nhau? Theo em, vì sao có sự khác nhau đó?

## TIẾNG CHỔI TRE

(Trích)

Những đêm hè
Khi ve ve
Đã ngủ
Tôi lắng nghe
Trên đường Trần Phú
Tiếng chổi tre
Xao xác
Hàng me
Tiếng chổi tre
Đêm hè
Quét rác...

Những đêm đông
Khi con dông
Vừa tắt
Tôi đứng trông
Trên đường lặng ngắt
Chị lao công
Như sắt
Như đồng
Chị lao công
Đêm đông
Quét rác...

Nhớ em nghe
Tiếng chổi tre
Chị quét
Những đêm hè
Đêm đông gió rét
Tiếng chổi tre
Sớm tối
Đi về
Giữ sạch lề
Đẹp lối
Em nghe!

(Tố Hữu)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**Từ ngữ**

– *Xao xác*: tiếng động nối tiếp nhau trong cảnh yên tĩnh.

– *Lao công*: người làm các công việc vệ sinh, phục vụ,…

1. Chị lao công làm việc vào những thời gian nào?
2. Đoạn thơ thứ hai cho biết công việc của chị lao công vất vả như thế nào?
3. Những câu thơ sau nói lên điều gì?

"Những đêm hè
Đêm đông gió rét
Tiếng chổi tre
Sớm tối
Đi về"

a. sự chăm chỉ của chị lao công

b. niềm tự hào của chị lao công

c. sự thay đổi của thời tiết đêm hè và đêm đông

4. Tác giả nhắn nhủ em điều gì qua 3 câu thơ cuối?

1. Trong đoạn thơ thứ nhất, từ nào miêu tả âm thanh của tiếng chổi tre?
2. Thay tác giả, nói lời cảm ơn đối với chị lao công.

## VIẾT

1. Viết chữ hoa: 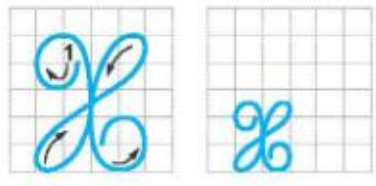
2. Viết ứng dụng: Xuân về, hàng cây bên đường thay áo mới.

## NÓI VÀ NGHE

**1.** Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

### Hạt giống nhỏ

(Theo *Tuyển tập truyện, thơ, câu đố Mầm non*)

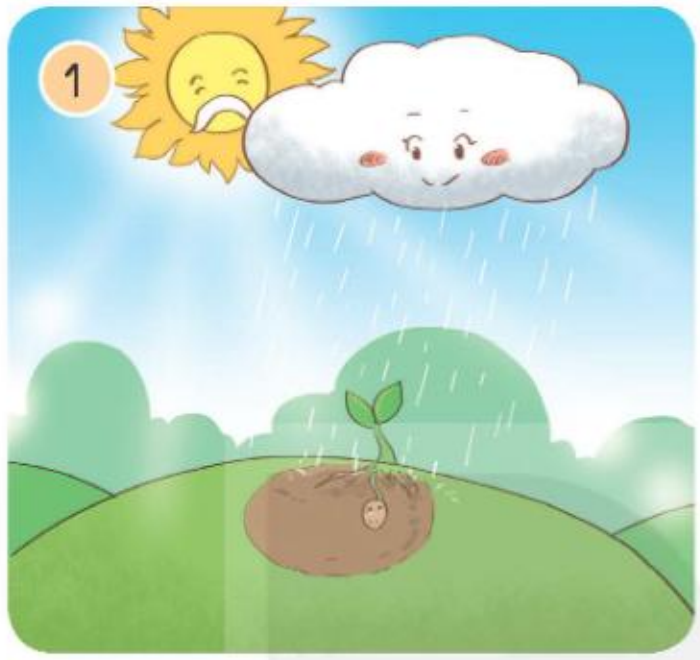


Nhờ đâu hạt giống nhỏ trở thành một cái cây cao, to, khoẻ mạnh?

Sống trên đồi vắng, cây mong muốn điều gì?

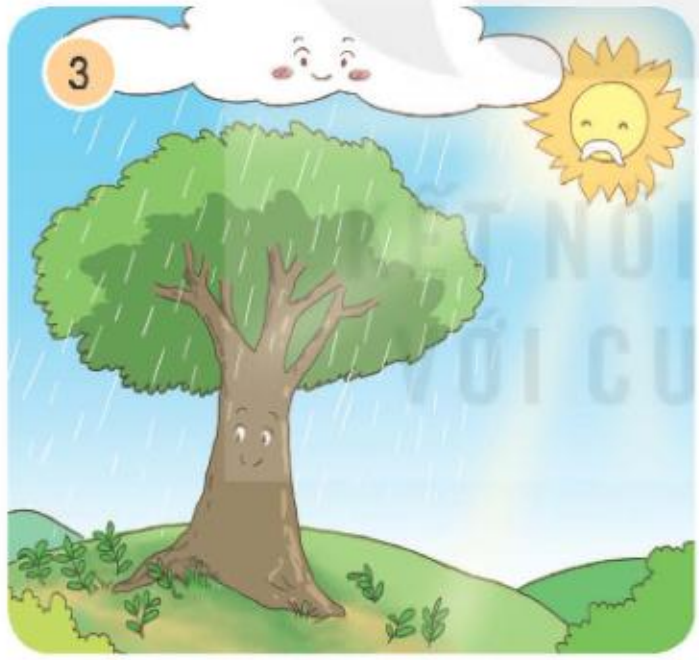


Bằng cách nào mong muốn của cây được thực hiện?

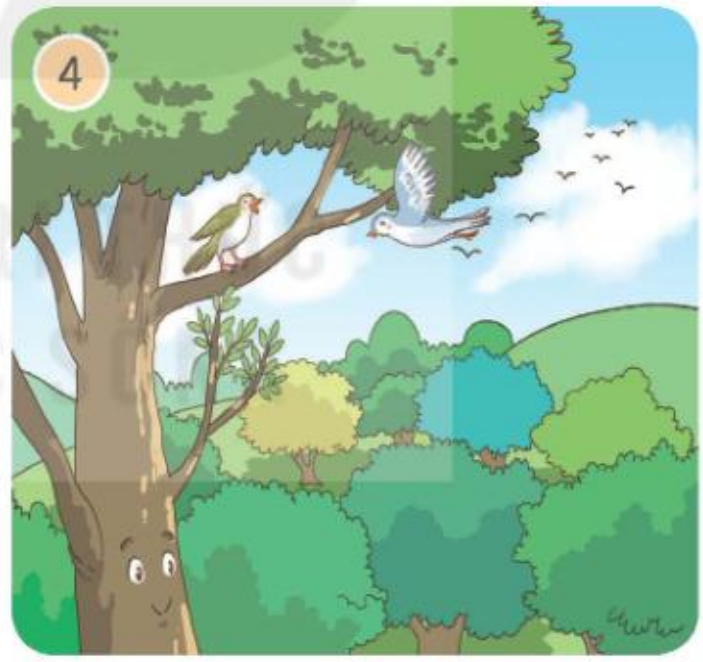


Quả đồi vắng đã thay đổi như thế nào?

**2.** Nghe kể chuyện.

**3.** Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Cùng người thân nói về ích lợi của cây cối đối với cuộc sống con người.

Bài 14

# CỎ NON CƯỜI RỒI

## ĐỌC

Các tấm biển báo dưới đây nhắc nhở chúng ta điều gì?

## CỎ NON CƯỜI RỒI

Mùa xuân đã đến. Cỏ trong công viên bừng tỉnh sau giấc ngủ đông. Từng đàn én từ phương Nam trở về. Trẻ em chơi đùa dưới ánh mặt trời ấm áp.

Một hôm, chị én nâu đang sửa soạn đi ngủ thì nghe thấy tiếng khóc thút thít. Lần theo tiếng khóc, én nâu tìm đến công viên nhỏ. Thấy một cây cỏ non đang khóc, én nâu hỏi:

– Em bị ốm à?

Cỏ non khóc nấc lên:

– Chị ơi, em không đứng thẳng được nữa. Các bạn nhỏ đã đến đây chơi đùa và giẫm lên em.

Én nâu lặng đi một phút rồi bỗng reo lên:

– Đừng khóc nữa! Chị sẽ giúp em.

Thế rồi, én nâu gọi thêm rất nhiều bạn của mình. Suốt đêm, cả đàn én ra sức đi tìm cỏ khô tết thành dòng chữ "Không giẫm chân lên cỏ!" đặt bên cạnh bãi cỏ. Xong việc, én nâu tươi cười bảo cỏ non:

– Từ nay em yên tâm rồi. Không còn ai giẫm lên em nữa đâu.

Cỏ non nhoẻn miệng cười và cảm ơn chị én nâu.

(Theo *365 truyện kể hằng đêm*)

**Từ ngữ**

*Thút thít*: tiếng khóc nhỏ và ngắt quãng.

1. Nói tiếp câu tả cảnh mùa xuân trong công viên:

   a. Cỏ (...).

   b. Đàn én (...).

   c. Trẻ em (...).

2. Vì sao cỏ non lại khóc?

3. Thương cỏ non, chim én đã làm gì?

4. Thay lời chim én, nói lời nhắn nhủ tới các bạn nhỏ.

1. Tìm từ ngữ cho biết tâm trạng, cảm xúc của cỏ non.

   M: *khóc thút thít*

2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

## VIẾT

1. Nghe – viết:

**Cỏ non cười rồi**

Én nâu gọi các bạn của mình đến. Suốt đêm, cả đàn đi tìm cỏ khô tết thành dòng chữ: "Không giẫm chân lên cỏ!", rồi đặt trên bãi cỏ. Xong việc, én nâu tươi cười bảo cỏ non:

– Từ nay em yên tâm rồi. Không còn ai giẫm lên em nữa đâu.

2. Chọn *ng* hoặc *ngh* thay cho ô vuông.

Buổi sớm, muôn ▨ìn giọt sương đọng trên những ngọn cỏ, lóng lánh như ▨ọc.

**3.** Chọn a hoặc b

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Đồng làng vương ▨út heo may
Mầm cây tỉnh giấc, vườn đầy tiếng ▨im
Hạt mưa mải miết ▨ốn tìm
Cây đào ▨ước cửa lim dim mắt cười.

(*Theo* Đỗ Quang Huỳnh)

b. Chọn *êt* hoặc *êch* thay cho ô vuông.

– Vui như T▨.
– ▨ kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.
– Ánh trăng chênh ch▨ đầu làng.

## LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ngữ dưới đây theo 2 nhóm rồi đặt tên cho mỗi nhóm.

2. Chọn từ ngữ phù hợp thay cho ô vuông.

giơ tay hái | nhìn thấy | đừng hái

### Cho hoa khoe sắc

Buổi sáng, bước ra vườn hồng, ▨ bông hồng đỏ thắm, bé vui sướng reo lên:

– Bạn xinh đẹp, đáng yêu làm sao!

Nói rồi, bé định ▨ bông hoa. Bỗng có tiếng thì thầm:

– Xin ▨ tôi. Tôi sẽ rất buồn nếu không được khoe sắc cùng các bạn hoa.

3. Cần đặt *dấu phẩy* vào những vị trí nào trong mỗi câu sau?

a. Các bạn học sinh đang tưới nước bắt sâu cho cây.

b. Mọi người không được hái hoa bẻ cành.

c. Én nâu cỏ non đều đáng yêu.

1. Nói lời xin lỗi.

a. Nếu em là cô bé trong câu chuyện *Cho hoa khoe sắc*, em sẽ nói lời xin lỗi bông hồng như thế nào?

b. Nếu em là một bạn nhỏ trong câu chuyện *Cỏ non cười rồi*, khi nghe thấy cỏ non khóc, em sẽ nói gì với cỏ non?

2. Viết lời xin lỗi trong tình huống sau:

Em làm việc riêng trong giờ học, bị cô giáo nhắc nhở.

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc sách, báo viết về các hoạt động giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp ở nhà trường.
2. Chia sẻ với các bạn về những điều em đã đọc.

Tuần 26

Bài 15

# NHỮNG CON SAO BIỂN

## ĐỌC

1. Nói về sự khác nhau giữa 2 bức tranh dưới đây:

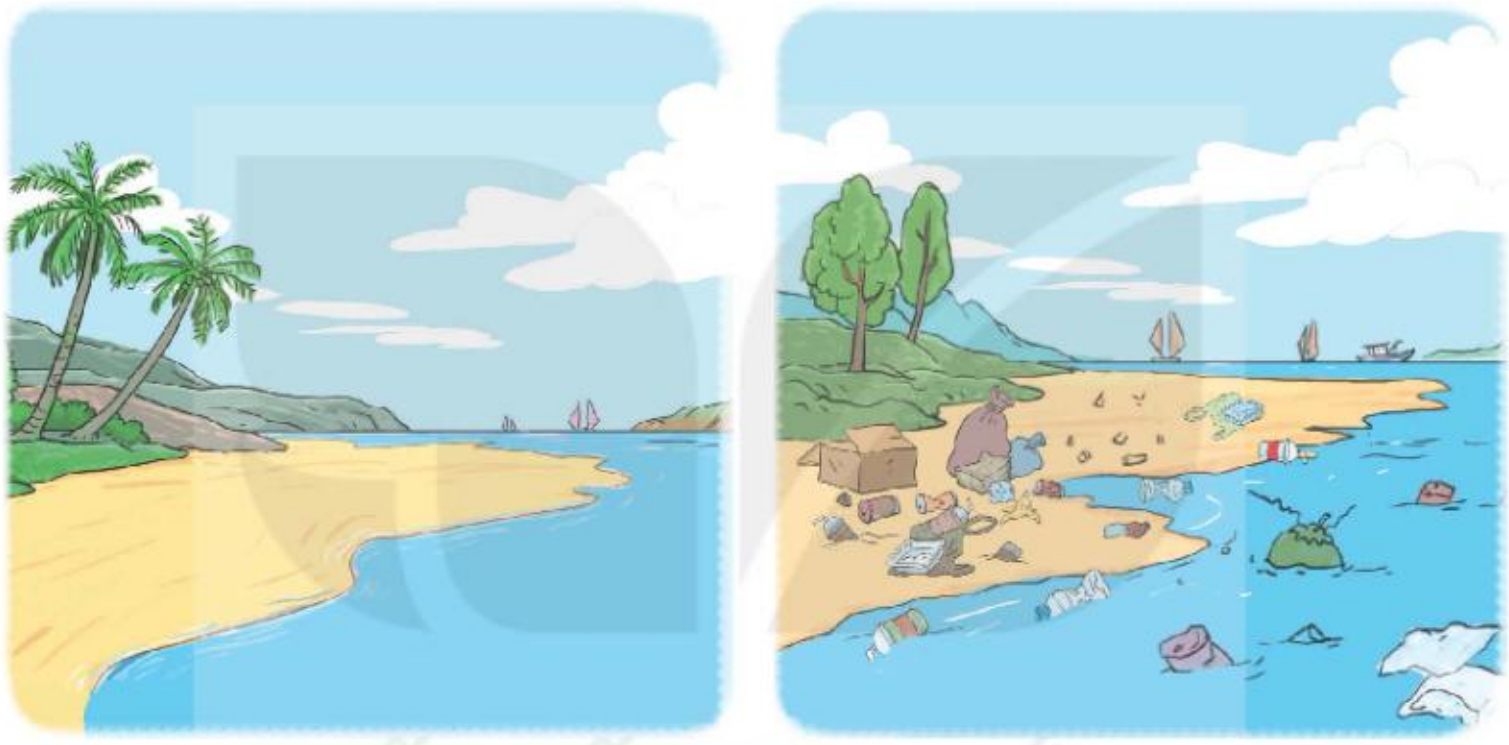

2. Theo em, chúng ta nên làm gì để giữ cho biển luôn sạch đẹp?

## NHỮNG CON SAO BIỂN

Một người đàn ông đang dạo bộ trên bãi biển khi chiều xuống. Biển đông người, nhưng ông lại chú ý đến một cậu bé cứ liên tục cúi xuống nhặt thứ gì đó lên rồi thả xuống biển.

Tiến lại gần hơn, ông thấy cậu bé đang nhặt những con sao biển bị thuỷ triều đánh dạt lên bờ và thả chúng trở về với đại dương.

– Cháu đang làm gì vậy? – Người đàn ông hỏi.

Cậu bé trả lời:

– Những con sao biển này sắp chết vì thiếu nước, cháu muốn giúp chúng.

– Có hàng ngàn con sao biển như vậy, liệu cháu có thể giúp được tất cả chúng không?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Cậu bé vẫn tiếp tục nhặt những con sao biển khác thả xuống biển và nói với người đàn ông:

– Cháu cũng biết như vậy, nhưng ít nhất thì cháu cũng cứu được những con sao biển này.

Người đàn ông trìu mến nhìn cậu bé và cùng cậu cứu những con sao biển.

(Theo *Hạt giống tâm hồn – Phép màu có giá bao nhiêu?*)

**Từ ngữ**

– *Thuỷ triều*: hiện tượng nước biển dâng lên, rút xuống một vài lần trong ngày.

– *Dạt* (lên bờ): bị sóng đẩy lên bờ.

1. Vì sao người đàn ông lại chú ý đến cậu bé?
2. Khi đến gần, ông thấy cậu bé đang làm gì?
3. Vì sao cậu bé lại làm như vậy?
4. Em có suy nghĩ gì về cử chỉ, hành động của người đàn ông trong đoạn kết của câu chuyện?

1. Những từ ngữ nào dưới đây chỉ hoạt động?

| | | |
|---|---|---|
| cúi xuống | thả | nhặt |
| dạo bộ | người đàn ông | sao biển |
| biển | cậu bé | tiến lại |

2. Trong bài đọc, câu nào là câu hỏi?

## VIẾT

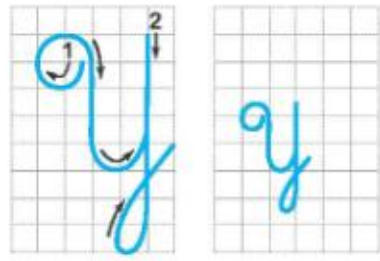

1. Viết chữ hoa: Y

2. Viết ứng dụng: Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.

## NÓI VÀ NGHE

### Bảo vệ môi trường

1. Nói tên các việc làm trong tranh. Cho biết những việc làm đó ảnh hưởng đến môi trường như thế nào.

2. Em đã làm gì để góp phần giữ gìn môi trường sạch đẹp?

Nói với người thân những việc làm để bảo vệ môi trường mà em và các bạn đã trao đổi ở lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 16

# TẠM BIỆT CÁNH CAM

## ĐỌC

Nhìn tranh, đoán xem chuyện gì đã xảy ra với cánh cam.

### TẠM BIỆT CÁNH CAM

Chú cánh cam đi lạc vào nhà Bống. Chân chú bị thương, bước đi tập tễnh. Bống thương quá, đặt cánh cam vào một chiếc lọ nhỏ đựng đầy cỏ. Từ ngày đó, cánh cam trở thành người bạn nhỏ xíu của Bống.

Cánh cam có đôi cánh xanh biếc, óng ánh dưới ánh nắng mặt trời. Mỗi khi nghe tiếng động, chú khệ nệ ôm cái bụng tròn lẳn, trốn vào đám cỏ rối. Bống chăm sóc cánh cam rất cẩn thận. Hằng ngày, em đều bỏ vào chiếc lọ một chút nước và những ngọn cỏ xanh non.

Nhưng Bống cảm thấy cánh cam vẫn có vẻ ngơ ngác không vui, chắc chú nhớ nhà và nhớ bạn bè. Đoán vậy, Bống mang cánh cam thả ra bãi cỏ sau nhà. Tạm biệt cánh cam bé nhỏ, Bống hi vọng chú sẽ tìm được đường về căn nhà thân thương của mình.

(Minh Đăng)

**Từ ngữ**

- *Tập tễnh*: dáng đi không cân, bên cao bên thấp.
- *Óng ánh*: phản chiếu ánh sáng lấp lánh, trông đẹp mắt.
- *Khệ nệ*: dáng đi chậm chạp như phải mang vác nặng.

1. Bống làm gì khi thấy cánh cam bị thương?
2. Bống chăm sóc cánh cam như thế nào? Câu văn nào cho em biết điều đó?
3. Vì sao Bống thả cánh cam đi?
4. Nếu là Bống, em có thả cánh cam đi không? Vì sao?

1. Những từ nào dưới đây được dùng trong bài để miêu tả cánh cam?

2. Thay bạn Bống, em hãy nói lời động viên, an ủi cánh cam khi bị thương.
3. Nếu thấy bạn đang buồn, em sẽ nói gì?

## VIẾT

1. Nghe – viết:

**Tạm biệt cánh cam**

Cánh cam có đôi cánh xanh biếc, óng ánh dưới nắng mặt trời. Chú đi lạc vào nhà Bống. Chân chú bị thương, bước đi tập tễnh. Bống thương quá, đặt cánh cam vào một chiếc lọ nhỏ đựng đầy cỏ. Từ ngày đó, cánh cam trở thành người bạn nhỏ xíu của Bống.

2. Chọn *oanh* hoặc *oach* thay cho ô vuông.

thu h■ chim ■ mới t■ ■ quanh

3. Chọn a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ gọi tên sự vật có tiếng bắt đầu bằng *s* hoặc *x*.

b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

– Nhát như **tho**. – **Khoe** như trâu. – **Dư** như hổ.

## LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ chỉ loài vật trong đoạn sau:

Rền rĩ kéo đàn
Đúng là anh dế
Suốt đời chậm trễ
Là họ nhà sên
Đêm thắp đèn lên
Là cô đom đóm.

(*Vè loài vật*)

2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu.

| A | B |
|---|---|
| Ve sầu | báo mùa hè tới. |
| Ong | bắt sâu cho lá. |
| Chim sâu | làm ra mật ngọt. |

3. Hỏi – đáp theo mẫu. Viết vào vở câu hỏi, câu trả lời của em và bạn.

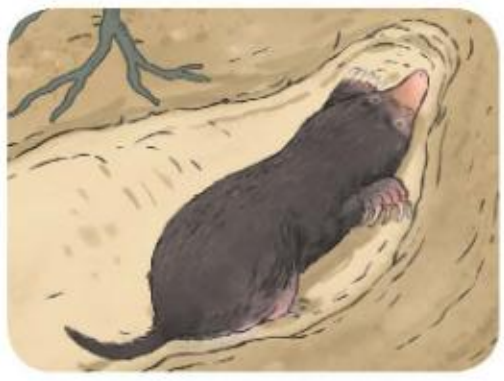

M: – Chuột sống ở đâu?
– Chuột sống trong hang.

1. Quan sát tranh và nói về việc làm của từng người trong tranh.

2. Viết 4 – 5 câu kể về việc em đã làm để bảo vệ môi trường.

G: – Em đã làm việc gì để bảo vệ môi trường?

– Em đã làm việc đó lúc nào? Ở đâu? Em làm như thế nào?

– Ích lợi của việc làm đó là gì?

– Em cảm thấy thế nào khi làm việc đó?

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc sách, báo nói về việc bảo vệ động vật.
2. Viết vào phiếu đọc sách trong vở bài tập.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

| |
|---|
| Ngày: (...)<br>Tên sách: (...) |
| Thông tin quan trọng: (...) |
| Suy nghĩ sau khi đọc: (...) |

Tuần 27

# ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2

## Tiết 1 – 2

**1.** Ghép tranh với tên bài đọc phù hợp.

1

2

1. Chuyện bốn mùa

2. Hoạ mi hót

3. Tết đến rồi

4. Mùa vàng

5. Hạt thóc

6. Luỹ tre

3

4

5

6

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**2.** Đọc bài em thích và thực hiện yêu cầu sau:

a. Tìm trong bài đọc những câu văn, câu thơ hay nói về cây cối hoặc loài vật, cảnh vật.

M: Các loài hoa nghe tiếng hót trong suốt của hoạ mi chợt bừng giấc, xoè những cánh hoa đẹp, bày đủ các màu sắc xanh tươi. (Bài *Hoạ mi hót*)

b. Nêu tên một nhân vật em yêu thích trong bài đọc và giải thích vì sao em yêu thích nhân vật đó.

## Tiết 3 – 4

**3.** Đọc bài thơ dưới đây và trả lời câu hỏi.

### Cánh cam lạc mẹ

Cánh cam đi lạc mẹ
Gió xô vào vườn hoang
Giữa bao nhiêu gai góc
Lũ ve sầu kêu ran.

Chiều nhạt nắng trắng sương
Trời rộng xanh như bể
Tiếng cánh cam gọi mẹ
Khản đặc trên lối mòn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bọ dừa dừng nấu cơm
Cào cào ngưng giã gạo
Xén tóc thôi cắt áo
Đều bảo nhau đi tìm.

Khu vườn hoang lặng im
Bỗng râm ran khắp lối
Có điều ai cũng nói
Cánh cam về nhà tôi.

(Ngân Vịnh)

a. Chuyện gì xảy ra với cánh cam?

b. Những ai đã quan tâm, giúp đỡ cánh cam?

c. Họ đã làm gì và nói gì để an ủi cánh cam?

**4.** Nói và đáp lời trong các tình huống sau:

a. An ủi, động viên bạn khi bạn bị mệt.

b. Mời bạn đọc một cuốn truyện hay.

c. Đề nghị bạn hát một bài trước lớp.

**5.** Tìm trong bài *Cánh cam lạc mẹ* từ ngữ chỉ hoạt động của mỗi con vật (theo mẫu).

| Con vật | Từ ngữ chỉ hoạt động |
|---|---|
| M: ve sầu | kêu ran |
| ... | ... |

## Tiết 5 – 6

**6.** Quan sát tranh và tìm từ ngữ:

a. Chỉ sự vật — M: con thuyền

b. Chỉ màu sắc của sự vật — M: nâu

**7.** Đặt 2 – 3 câu với từ ngữ em tìm được.

M: Dòng sông uốn khúc quanh làng xóm.

**8.** Chọn dấu câu phù hợp thay cho ô vuông.

Mặt trời thấy cô đơn■ buồn bã vì phải ở một mình suốt cả ngày■ Mặt trời muốn kết bạn với trăng■ sao■ Nhưng trăng■ sao còn bận ngủ để đêm thức dậy chiếu sáng cho mặt đất.

## Tiết 7 – 8

**9.** Nghe – viết: *Cánh cam lạc mẹ* (2 khổ thơ cuối).

**10.** Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng:

| | |
|---|---|
| – c | – k |
| – g | – gh |
| – ng | – ngh |

**11.** Viết 4 – 5 câu kể về việc em đã giúp đỡ người khác hoặc em được người khác giúp đỡ.

G:

– Em đã giúp đỡ ai việc gì (hoặc ai đã giúp đỡ em việc gì)?

– Em (hoặc người đó) đã làm như thế nào?

– Em có suy nghĩ gì sau khi giúp đỡ (hoặc được giúp đỡ)?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## Tiết 9 – 10

**12.** Đọc bài sau:

### Mây đen và mây trắng

Trên bầu trời cao rộng, mây đen và mây trắng đang rong ruổi theo gió. Mây trắng xốp, nhẹ, bồng bềnh như một chiếc gối bông xinh xắn. Mây đen vóc dáng nặng nề, đang sà xuống thấp.

Thấy mây đen bay thấp, mây trắng rủ:

– Chúng mình bay lên cao đi! Bay cao thú vị lắm!

– Cậu bay lên đi! – Mây đen nói – Tớ còn phải mưa xuống, ruộng đồng đang khô cạn vì hạn hán, muôn loài đang mong chờ tớ.

Mây trắng ngạc nhiên hỏi:

– Làm mưa ư? Cậu không sợ tan biến hết hình hài à?

Nói rồi mây trắng bay vút lên. Nó bị gió cuốn tan biến vào không trung.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mây đen sà xuống thấp rồi hoá thành mưa rơi xuống ruộng đồng, cây cỏ,... Con người và vạn vật reo hò đón mưa.

(Theo *Ngụ ngôn chọn lọc*)

**Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.**

a. Trong câu chuyện, những sự vật nào được coi như con người?

- ▨ mây đen và mây trắng
- ▨ nắng và gió
- ▨ bầu trời và ruộng đồng

b. Mây trắng rủ mây đen đi đâu?

- ▨ rong ruổi theo gió
- ▨ bay lên cao
- ▨ sà xuống thấp

c. Vì sao mây đen không nghe theo mây trắng?

- ▨ Vì mây đen thích ngắm cảnh ruộng đồng, cây cỏ.
- ▨ Vì hạn hán, mây đen muốn làm mưa giúp người.
- ▨ Vì mây đen sợ gió thổi làm tan biến mất hình hài.

d. Câu nào cho thấy mây đen đem lại niềm vui cho con người và vạn vật?

e. Tìm các từ chỉ đặc điểm trong câu dưới đây:

*Đám mây xốp, nhẹ, trông như một chiếc gối bông xinh xắn.*

g. Đặt *dấu phẩy* vào chỗ nào trong câu sau?

*Trên bầu trời cao rộng, mây đen mây trắng đang rong ruổi theo gió.*

**13.** Viết 4 – 5 câu kể một việc em thích làm trong ngày nghỉ.

G:

- Em thích làm việc gì? (đọc sách, xem phim, vẽ tranh, đến chơi nhà người thân,...)
- Em làm việc đó cùng với ai? Em làm việc đó như thế nào?
- Em cảm thấy thế nào khi làm việc đó?

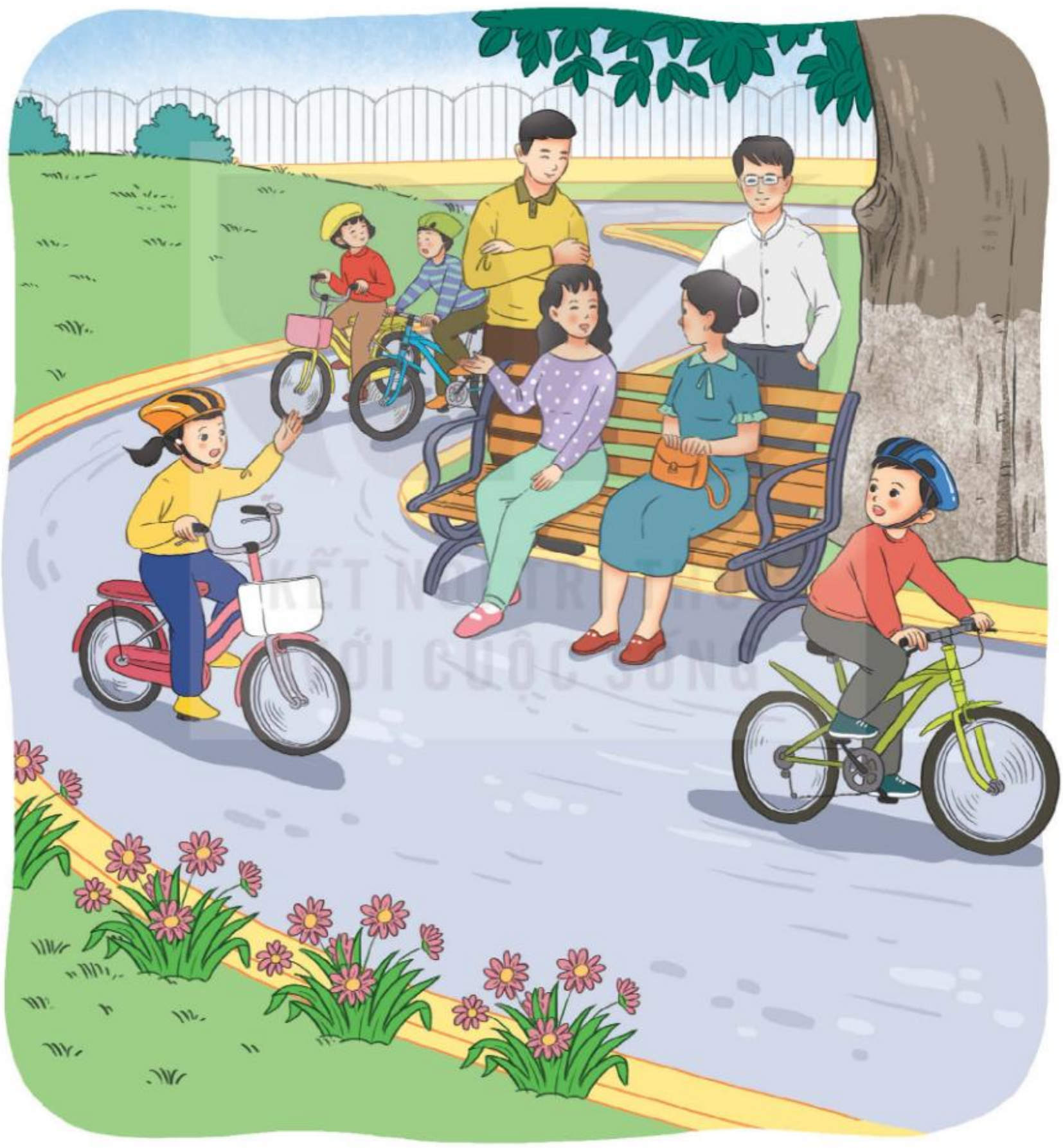

# GIAO TIẾP VÀ KẾT NỐI

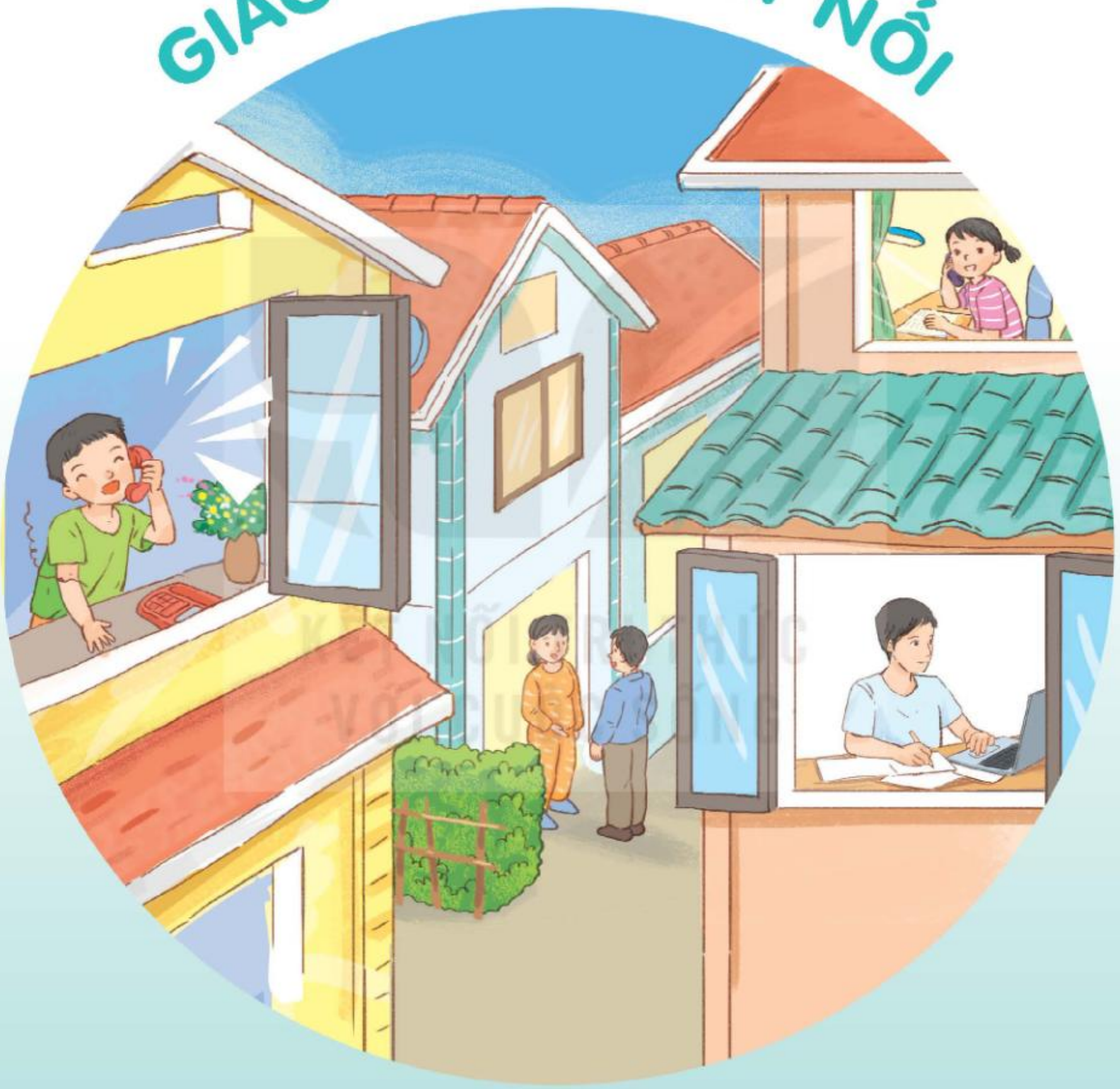

Bài 17

# NHỮNG CÁCH CHÀO ĐỘC ĐÁO

## ĐỌC

Hằng ngày, em thường chào và đáp lời chào của mọi người như thế nào?

### NHỮNG CÁCH CHÀO ĐỘC ĐÁO

Trên thế giới có những cách chào phổ biến như bắt tay, vẫy tay và cúi chào. Ngoài ra, người ta còn có những cách chào nhau rất đặc biệt.

Người Ma-ô-ri ở Niu Di-lân chào bằng cách nhẹ nhàng chạm mũi và trán vào nhau. Người Ấn Độ thì chắp hai tay trước ngực, kèm theo một cái cúi đầu. Nhiều người ở Mỹ thì chào bằng cách nắm bàn tay lại và đấm nhẹ vào nắm tay người kia. Còn người Dim-ba-bu-ê lại chào theo cách truyền thống là vỗ tay,... Mỗi cách chào thể hiện một nét riêng trong giao tiếp của người dân ở từng nước.

Còn em, em chào bạn bằng cách nào?

(Hoàng Anh *tổng hợp*)

**Từ ngữ**

– *Niu Di-lân*: một nước ở châu Đại Dương.

– *Ấn Độ*: một nước ở châu Á.

– *Mỹ*: một nước ở châu Mỹ.

– *Dim-ba-bu-ê*: một nước ở châu Phi.

1. Theo bài đọc, trên thế giới có những cách chào phổ biến nào?

2. Người dân một số nước có những cách chào đặc biệt nào?

| A | B |
|---|---|
| Người Ma-ô-ri ở Niu Di-lân | chắp hai tay, cúi đầu. |
| Người Ấn Độ | chạm nhẹ mũi và trán. |
| Nhiều người ở Mỹ | vỗ tay. |
| Người Dim-ba-bu-ê | đấm nhẹ vào nắm tay của nhau. |

3. Cách chào nào dưới đây không được nói đến trong bài?

a. bắt tay b. chạm mũi và trán c. nói lời chào

4. Ngoài những cách chào trong bài đọc, em còn biết cách chào nào khác?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

1. Trong bài đọc, câu nào là câu hỏi?

2. Cùng bạn hỏi – đáp về những cách chào được nói tới trong bài.

M: – Người Ấn Độ chào thế nào?

– Người Ấn Độ chào bằng cách chắp hai tay trước ngực và cúi đầu nhẹ.

## VIẾT

1. Viết chữ hoa: 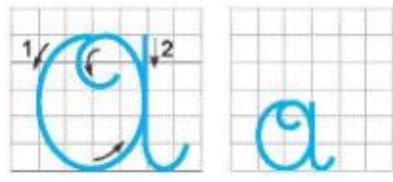

2. Viết ứng dụng: Anh em bốn biển cùng chung một nhà.

## NÓI VÀ NGHE

**1.** Nghe kể chuyện.

# Lớp học viết thư

(*Theo* Tun Te-le-gon)

Thầy giáo sẻ dạy học trò làm gì?

Thầy giáo sẻ hướng dẫn học trò làm cách nào để gửi thư?

Thầy giáo sẻ đã nhận được điều gì bất ngờ?

Thầy giáo sẻ đã cảm ơn học trò bằng cách nào?

**2.** Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Kể cho người thân về thầy giáo sẻ trong câu chuyện trên.

Bài 18

# THƯ VIỆN BIẾT ĐI

## ĐỌC

Bức tranh vẽ cảnh gì? Mọi người trong tranh đang làm gì?

### THƯ VIỆN BIẾT ĐI

Thư viện là nơi lưu giữ sách báo, nơi mọi người đến đọc sách hoặc mượn sách về nhà. Nhiều người nghĩ rằng thư viện chỉ nằm im một chỗ. Nhưng trên thế giới, có rất nhiều "thư viện biết đi".

Thư viện Lô-gô-xơ của Đức là "thư viện nổi" lớn nhất thế giới. Nó nằm trên một con tàu biển khổng lồ, có thể chở được 500 hành khách và đã từng đi qua 45 nước trên thế giới.

Ở Phần Lan, có hàng trăm "thư viện di động" trên những chiếc xe buýt cũ, chạy khắp các thành phố lớn. Ở châu Phi, một người thủ thư đã đặt thư viện trên lưng một con lạc đà. Nhờ thế, những cuốn sách có thể băng qua sa mạc để đến với người đọc.

(Hải Nam)

**Từ ngữ**

– *Di động*: không ở nguyên một vị trí.

– *Thủ thư*: người quản lí sách của thư viện.

– *Sa mạc*: vùng đất có khí hậu khô, nóng, không có hoặc có rất ít cây cối.

1. Mọi người đến thư viện để làm gì?

2. Ghép thông tin ở cột A với thông tin phù hợp ở cột B.

| A | B |
|---|---|
| Thư viện Lô-gô-xơ của Đức | đặt trên những chiếc xe buýt cũ |
| Nhiều thư viện ở Phần Lan | đặt trên lưng lạc đà |
| Một thư viện ở châu Phi | đặt trên một con tàu biển |

3. Vì sao các thư viện kể trên được gọi là "thư viện biết đi"?

4. Theo em, "thư viện biết đi" có tác dụng gì?

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

| | | | |
|---|---|---|---|
| thư viện | thủ thư | đọc | tàu biển |
| nằm im | băng qua | xe buýt | lạc đà |

a. Từ ngữ chỉ sự vật

b. Từ ngữ chỉ hoạt động

2. Em sẽ nói gì với cô phụ trách thư viện khi muốn mượn sách ở thư viện?

## VIẾT

1. Nghe – viết: *Thư viện biết đi* (từ *Ở Phần Lan* đến *người đọc*).
2. Tìm 2 từ ngữ:

   a. Chứa tiếng bắt đầu bằng *d*. (M: *dìu dắt*)

   b. Chứa tiếng bắt đầu bằng *gi*. (M: *giảng giải*)
3. Chọn a hoặc b.

   a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

   Phòng học là ▨iếc áo
   Bọc ▨úng mình ở ▨ong
   Cửa sổ là ▨iếc túi
   ▨e ▨ắn ngọn gió đông.
   (*Theo* Nguyễn Lãm Thắng)

   b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

   – Sách giúp chúng em **mơ** rộng **hiêu** biết.
   – Cô phụ trách thư viện hướng **dân** các bạn **đê** sách vào đúng **chô** trên giá.

## LUYỆN TẬP

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu chấm than* thay cho mỗi ô vuông.

   a. Đèn sáng quá▨

   b. Ôi, thư viện rộng thật▨

   c. Các bạn nhỏ rủ nhau đến thư viện▨
2. Có thể đặt *dấu phẩy* vào chỗ nào trong mỗi câu sau?

   a. Sách báo tạp chí đều được xếp gọn gàng trên giá.

   b. Bạn Mai bạn Lan đều thích đọc sách khoa học.

   c. Học sinh lớp 1 lớp 2 đến thư viện đọc sách vào chiều thứ Năm hằng tuần.
3. Đặt một câu có sử dụng *dấu phẩy*.

1. Nói về một đồ dùng học tập của em.

2. Viết 4 – 5 câu giới thiệu về đồ dùng học tập em đã nói ở trên.

G:

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một cuốn sách viết về chuyện lạ đó đây.

2. Viết vào phiếu đọc sách trong vở bài tập.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

| |
|---|
| Ngày: (…)<br>Tên sách: (…) |
| Điều em thích nhất: (…) |

Tuần 29

Bài 19

# CẢM ƠN ANH HÀ MÃ

## ĐỌC

Em nói lời đáp thế nào trong những tình huống sau?

## CẢM ƠN ANH HÀ MÃ

Dê rủ cún vào rừng chơi, khi quay về thì bị lạc đường. Gặp cô hươu, dê hỏi:

– Cô kia, về làng đi lối nào?

– Không biết. – Hươu lắc đầu, bỏ đi.

Đi tiếp, tới một con sông, thấy anh hà mã, dê nói to:

– Bọn tôi muốn về làng, hãy đưa bọn tôi qua sông!

Hà mã phật ý, định bỏ đi. Thấy vậy, cún nói:

– Chào anh hà mã, anh giúp bọn em qua sông được không ạ?

– Được chứ! Em ngoan quá! – Hà mã vui vẻ nói.

– Cảm ơn anh! – Cún đáp rồi quay sang nói nhỏ với dê:

– Cậu quên lời cô dặn rồi à? Muốn ai đó giúp, phải hỏi một cách lịch sự, còn khi họ giúp mình, phải nói "cảm ơn".

Dê con hơi xấu hổ. Sang bên kia sông, dê nói với hà mã:

– Cảm ơn anh đã giúp. Em biết mình sai rồi. Em xin lỗi ạ!

Hà mã mỉm cười:

– Em biết lỗi là tốt rồi. Giờ các em cứ đi theo đường này là về làng thôi.

(Theo *Cùng con rèn thói quen tốt*)

**Từ ngữ**

– *Phật ý*: không hài lòng.

– *Lịch sự* (nghĩa trong bài): lễ phép.

1. Hươu đã làm gì khi nghe dê hỏi?
2. Ý nào sau đây đúng với thái độ của hà mã khi cún nhờ đưa qua sông?
   a. bực mình bỏ đi
   b. bực mình nhưng đồng ý đưa qua sông
   c. vui vẻ đồng ý đưa qua sông
3. Vì sao dê con thấy xấu hổ?
4. Em học được điều gì từ câu chuyện này?

1. Trong bài đọc, câu nào là câu hỏi lịch sự với người lớn tuổi?
2. Dựa vào bài đọc, nói tiếp các câu dưới đây:
   a. Muốn ai đó giúp, em cần phải (…).
   b. Được ai đó giúp, em cần phải (…).

## VIẾT

1. Viết chữ hoa: 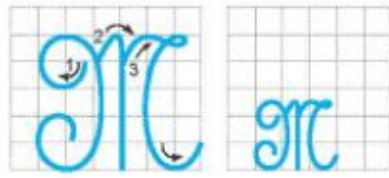

2. Viết ứng dụng: Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học.

## NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, nói về sự việc trong từng tranh.

### Cảm ơn anh hà mã

Dê và cún gặp chuyện gì khi vào rừng?

Dê đã nói gì khi gặp cô hươu?

Vì sao dê làm anh hà mã phật ý?

Cún đã làm gì khiến anh hà mã vui vẻ giúp đỡ?

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Cùng người thân trao đổi về cách chào hỏi thể hiện sự thân thiện hoặc lịch sự.

Bài 20

# TỪ CHÚ BỒ CÂU ĐẾN IN-TƠ-NÉT

## ĐỌC

Em có thể dùng cách nào để liên lạc với người thân ở xa?

## TỪ CHÚ BỒ CÂU ĐẾN IN-TƠ-NÉT

Ngoài trò chuyện trực tiếp, con người còn nghĩ ra rất nhiều cách để trao đổi với nhau khi ở xa.

Từ xa xưa, người ta đã biết huấn luyện bồ câu để đưa thư. Bồ câu nhớ đường rất tốt. Nó có thể bay qua một chặng đường dài hàng nghìn cây số để mang thư đến đúng nơi nhận.

Những người đi biển còn nghĩ ra cách bỏ thư vào trong những chiếc chai thuỷ tinh. Nhờ sóng biển, những chiếc chai này được đẩy vào đất liền. Có những bức thư vài chục năm sau mới được tìm thấy.

Ngày nay, việc trao đổi thông tin dễ dàng hơn rất nhiều. Bạn có thể viết thư, gọi điện cho người khác. Nhờ có in-tơ-nét, bạn cũng có thể nhìn thấy người nói chuyện với mình, dù hai người đang ở cách nhau rất xa.

(Hải Nam)

**Từ ngữ**

- *In-tơ-nét*: mạng kết nối các máy tính trên toàn thế giới.
- *Huấn luyện*: giảng dạy và hướng dẫn luyện tập.

1. Thời xưa, người ta gửi thư bằng những cách nào?
2. Vì sao có thể dùng bồ câu để đưa thư?
3. Ngày nay, chúng ta có thể trò chuyện với người ở xa bằng những cách nào?
4. Nếu cần trò chuyện với người ở xa, em chọn phương tiện nào? Vì sao?

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

trò chuyện | bồ câu | chai thuỷ tinh | gửi | trao đổi | bức thư | điện thoại

a. Từ ngữ chỉ sự vật

b. Từ ngữ chỉ hoạt động

2. Nói tiếp để hoàn thành câu:

Nhờ có in-tơ-nét, bạn có thể (…).

## VIẾT

1. Nghe – viết:

**Từ chú bồ câu đến in-tơ-nét**

Con người có nhiều cách để trao đổi với nhau. Từ xa xưa, người ta đã biết huấn luyện bồ câu đưa thư. Những bức thư được buộc vào chân bồ câu. Bồ câu nhớ đường rất tốt. Nó có thể bay qua một chặng đường dài hàng nghìn cây số để mang thư đến đúng nơi nhận.

2. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *eo* hoặc *oe*.

M: *eo*: chèo thuyền

*oe*: chim chích choè

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *l* hoặc *n* thay cho ô vuông.

Dòng sông mới điệu ■àm sao
■ắng lên mặc áo ■ụa đào thướt tha
Trưa về trời rộng bao ■a
Áo xanh sông mặc như ■à mới may.

(*Theo* Nguyễn Trọng Tạo)

b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *ên* hoặc *ênh*.

M: *ên*: bến tàu

*ênh*: mênh mông

## LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động của mỗi bạn nhỏ trong tranh.

2. Nói tiếp để hoàn thành câu nêu công dụng của đồ vật.

a. Nhờ có điện thoại, em có thể (...).

b. Nhờ có máy tính, em có thể (...).

c. Nhờ có ti vi, em có thể (...).

3. Chọn dấu câu thích hợp cho mỗi ô vuông trong đoạn văn sau:

Ti vi là bạn của cả gia đình em■ Bố em thường thích xem thời sự■ bóng đá■ Mẹ em thích nghe nhạc■ xem phim truyền hình. Còn em thích nhất là chương trình *Thế giới động vật*■

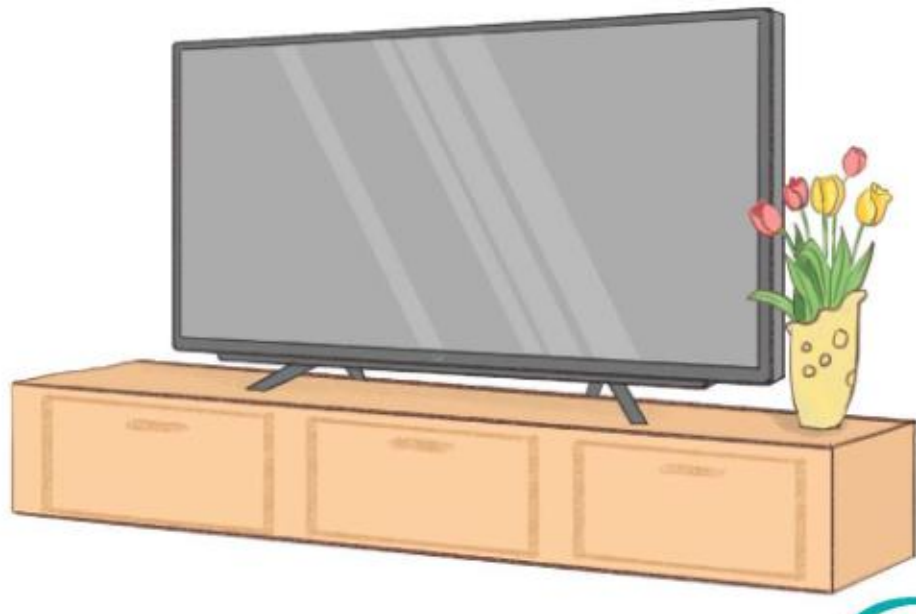

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Kể tên các đồ vật được vẽ trong tranh và nêu công dụng của chúng.

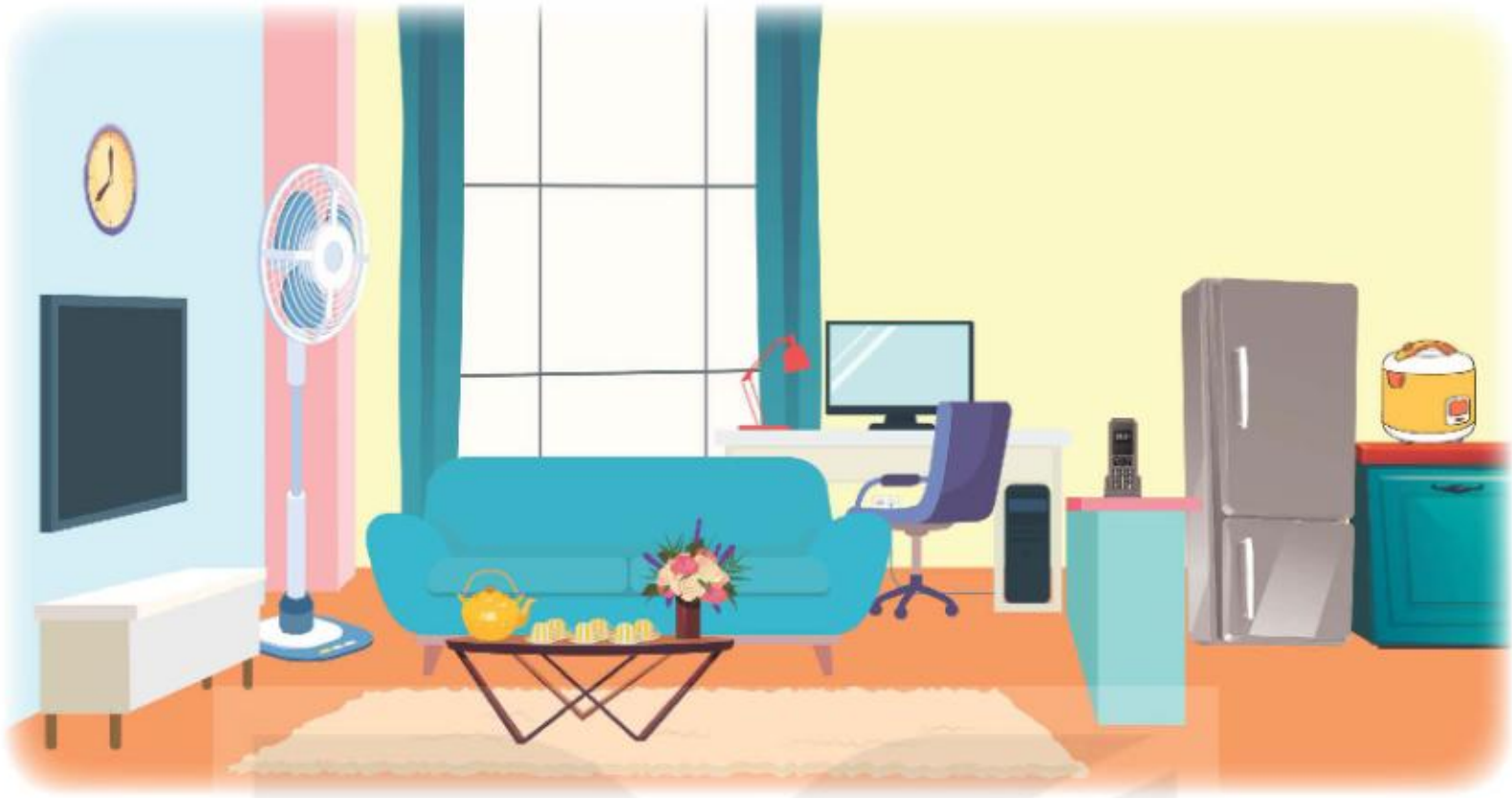

2. Viết 4 – 5 câu tả một đồ dùng trong gia đình em.

G:

(1) Tên đồ dùng là gì?

(4) Em có cảm nghĩ gì khi đồ dùng đó có trong nhà của mình?

Tả đồ dùng

(2) Nó có gì nổi bật về hình dạng, kích thước, màu sắc,...?

(3) Nó được dùng để làm gì?

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc sách, báo hoặc bản hướng dẫn sử dụng một đồ dùng trong gia đình (ti vi, máy tính, điện thoại,...).
2. Trao đổi với các bạn một số điều em mới đọc được.

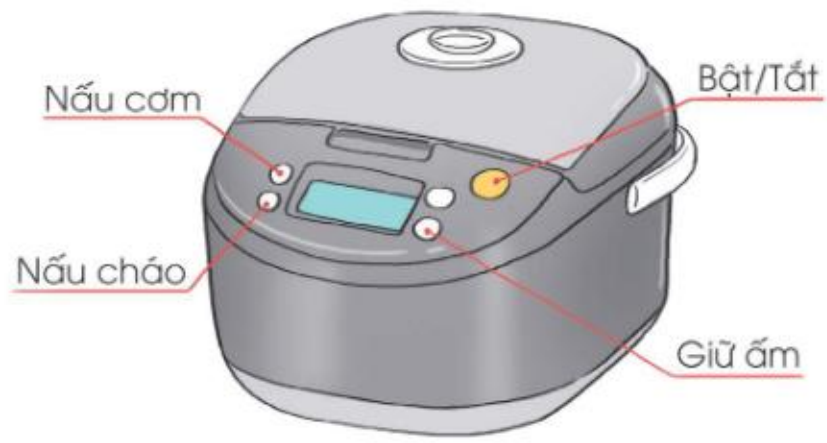

# CON NGƯỜI VIỆT NAM

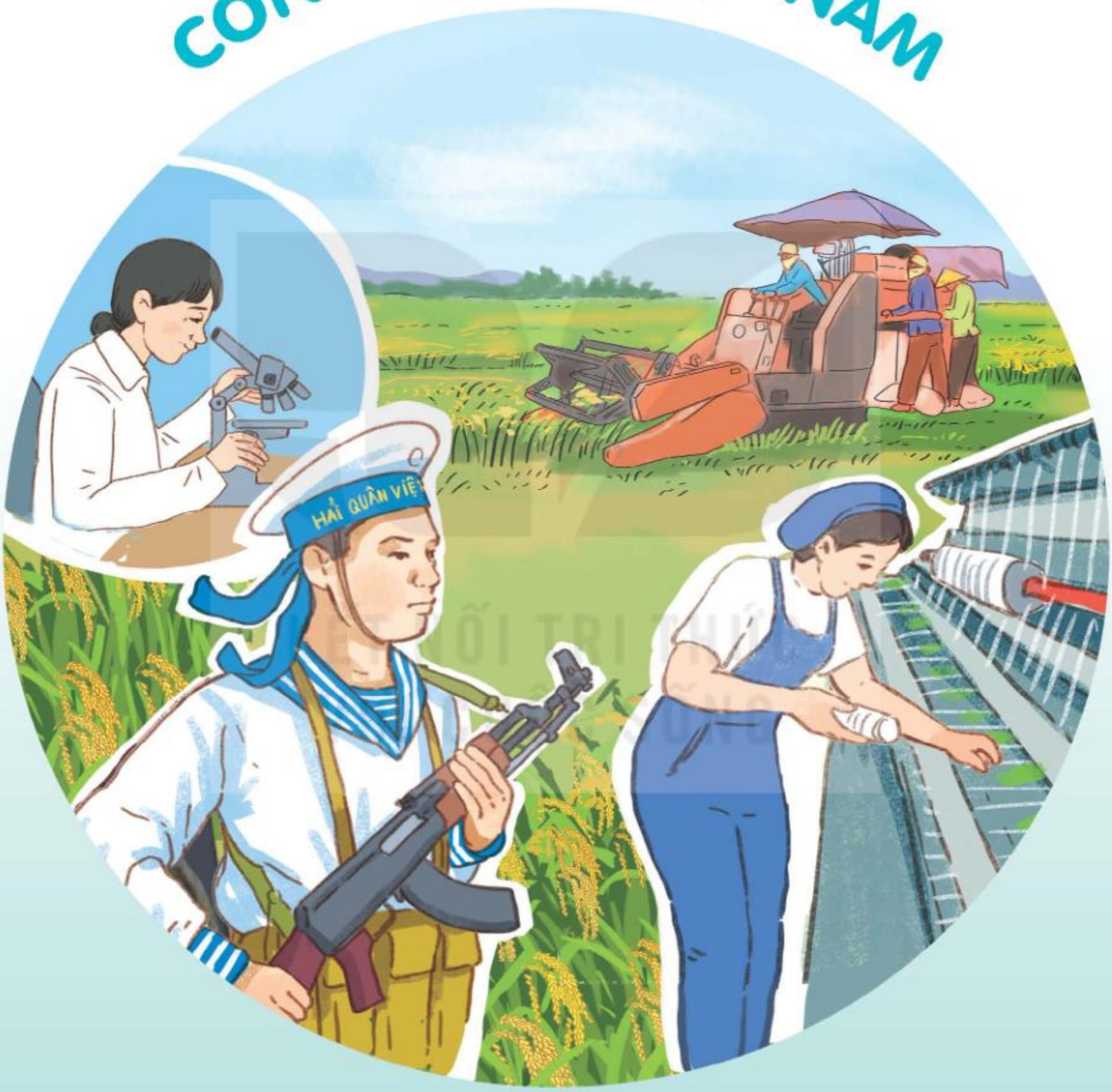

# Bài 21 MAI AN TIÊM

## ĐỌC

Giải câu đố

Vỏ xanh, ruột đỏ, hạt đen
Hoa vàng, lá biếc, đố em quả gì?

### MAI AN TIÊM

Ngày xưa, có một người tên là Mai An Tiêm được Vua Hùng yêu mến nhận làm con nuôi. Một lần, vì hiểu lầm lời nói của An Tiêm nên nhà vua nổi giận, đày An Tiêm ra đảo hoang.

Ở đảo hoang, hai vợ chồng An Tiêm dựng nhà bằng tre nứa, lấy cỏ phơi khô tết thành quần áo.

Một hôm, An Tiêm thấy một đàn chim bay qua thả xuống loại hạt đen nhánh. Chàng bèn nhặt và gieo xuống cát, thầm nghĩ: "Thứ quả này chim ăn được thì người cũng ăn được". Rồi hạt nảy mầm, vươn thành một loại cây dây bò lan rộng. Cây ra hoa rồi ra quả. Quả có vỏ màu xanh thẫm, ruột đỏ, hạt đen nhánh, có vị ngọt và mát. Vợ chồng An Tiêm đem hạt gieo trồng khắp đảo.

Mùa quả chín, nhớ vua cha, An Tiêm khắc tên mình vào quả, thả xuống biển, nhờ sóng đưa vào đất liền. Một người dân vớt được quả lạ đem dâng vua. Vua hối hận cho đón vợ chồng An Tiêm trở về.

Thứ quả lạ đó là giống dưa hấu ngày nay.

(*Theo* truyện cổ Việt Nam)

**Từ ngữ**

– *Đảo hoang*: đảo không có người ở.

– *Hối hận*: lấy làm tiếc và cảm thấy day dứt khi nhận ra lỗi lầm của mình.

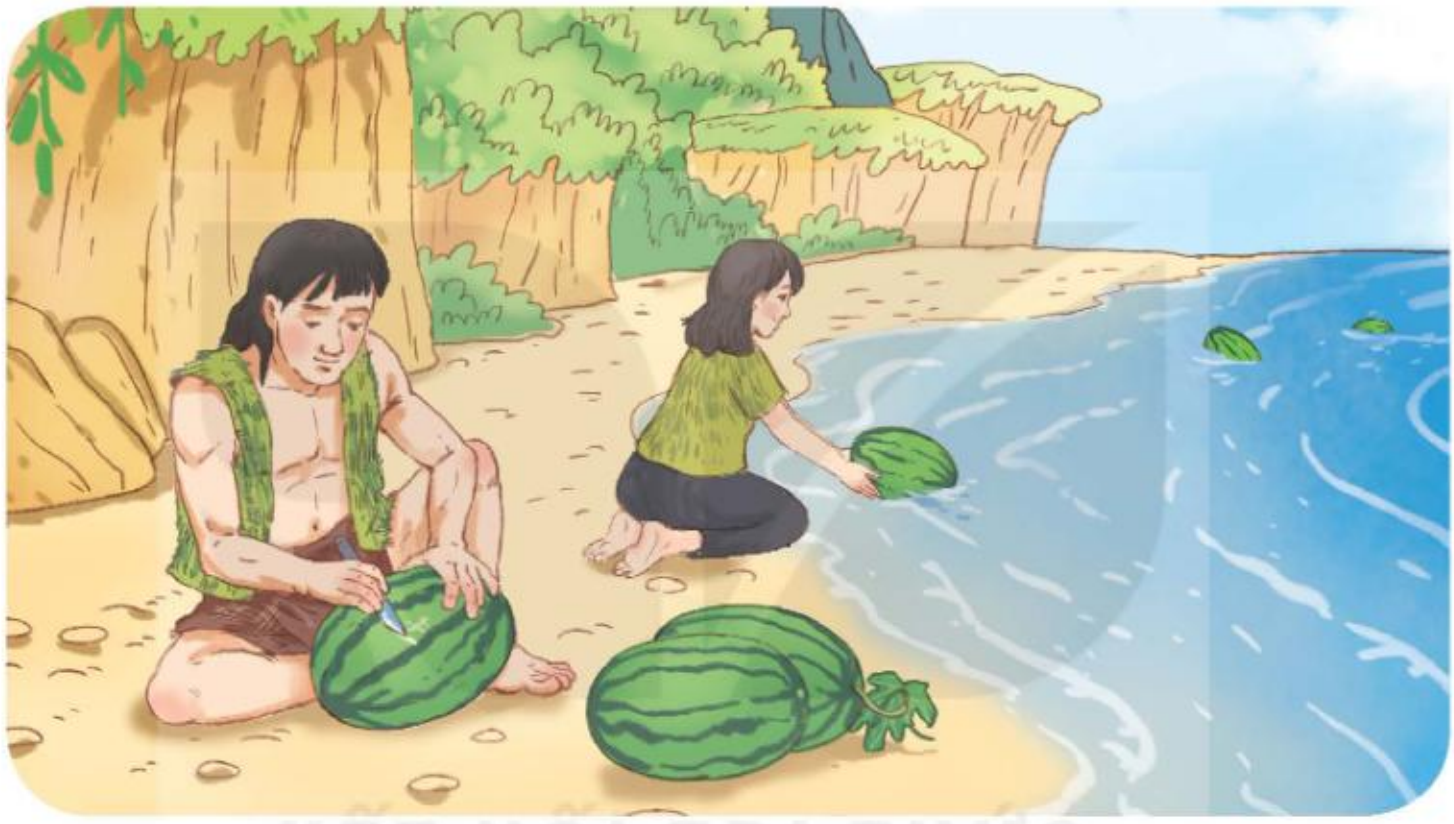

1. Vợ chồng Mai An Tiêm đã làm gì ở đảo hoang?
2. Mai An Tiêm nghĩ gì khi nhặt và gieo trồng loại hạt do chim thả xuống?
3. Nói tiếp các câu dưới đây để giới thiệu loại quả Mai An Tiêm đã trồng.
   – Quả có vỏ màu (…), ruột (…), hạt (…), vị (…).
   – Quả đó có tên là (…).
4. Theo em, Mai An Tiêm là người thế nào?

1. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn văn sau:

An Tiêm khắc tên mình vào quả rồi thả xuống biển, nhờ sóng đưa vào đất liền. Một người dân vớt được quả lạ đã đem dâng vua. Vua hối hận cho đón vợ chồng An Tiêm trở về.

2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## VIẾT

1. Viết chữ hoa: 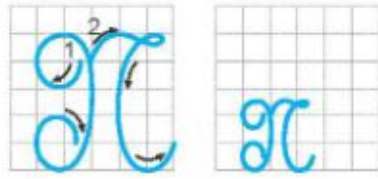

2. Viết ứng dụng: Người Việt Nam cần cù, sáng tạo.

## NÓI VÀ NGHE

1. Quan sát tranh, nói tên nhân vật và sự việc trong từng tranh.

### Mai An Tiêm

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Viết 2 – 3 câu về nhân vật Mai An Tiêm trong câu chuyện trên.

Bài 22

# THƯ GỬI BỐ NGOÀI ĐẢO

## ĐỌC

Em thấy những ai trong 2 bức tranh? Họ đang làm gì?

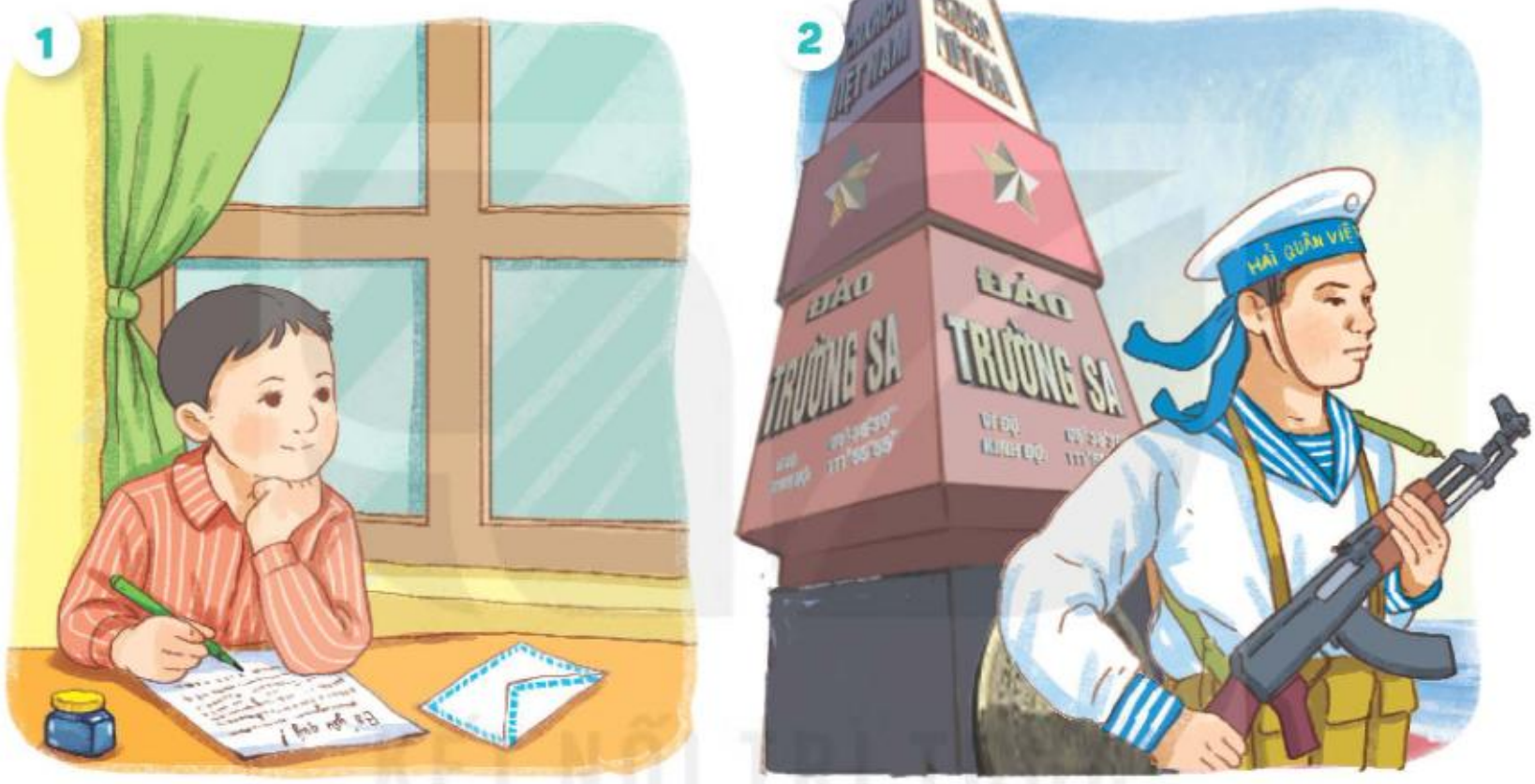

## THƯ GỬI BỐ NGOÀI ĐẢO

(*Trích*)

Bây giờ sắp Tết rồi
Con viết thư gửi bố (...)

Tết con muốn gửi bố
Cái bánh chưng cho vui
Nhưng bánh thì to quá
Mà hòm thư nhỏ thôi.

Gửi hoa lại sợ héo
Đường ra đảo xa xôi
Con viết thư gửi vậy
Hẳn bố bằng lòng thôi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Ngoài ấy chắc nhiều gió
Đảo không có gì che
Ngoài ấy chắc nhiều sóng
Bố lúc nào cũng nghe.

Bà bảo: hàng rào biển
Là bố đấy, bố ơi
Cùng các chú bạn bố
Giữ đảo và giữ trời.

(Xuân Quỳnh)

**Từ ngữ**

*Hòm thư*: thùng để bỏ thư.

1. Bạn nhỏ viết thư cho bố vào dịp nào?
2. Bố bạn nhỏ đang làm công việc gì ở đảo?
3. Bạn nhỏ đã gửi gì cho bố?

   a. bánh chưng  b. hoa  c. thư
4. Theo em, khổ thơ cuối muốn nói điều gì?

   a. Bố và các chú bảo vệ vùng biển, vùng trời quê hương.

   b. Bố và các chú xây hàng rào ở đảo.

   c. Bố và các chú là hàng rào chắn sóng, chắn gió.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Từ ngữ nào chỉ hành động của bố? Từ ngữ nào chỉ hành động của con?

| | | |
|---|---|---|
| giữ đảo | bố | gửi thư |
| viết thư | con | giữ trời |

2. Thay lời bạn nhỏ, nói một câu thể hiện tình cảm đối với bố.

## VIẾT

1. Nghe – viết: *Thư gửi bố ngoài đảo* (từ đầu đến *cũng nghe*).

2. Chọn tiếng phù hợp thay cho ô vuông.

a. (*dang/giang*): ■ tay, giỏi ■, dở ■

b. (*dành/giành*): dỗ ■, tranh ■, để ■

3. Chọn a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ gọi tên từng loại quả có tiếng bắt đầu bằng *s* hoặc *x*.

b. Chọn *ip* hoặc *iêp* thay cho ô vuông.

– Nhân d■ Tết, em viết một tấm th■ gửi lời chúc đến các chú bộ đội ở Trường Sa.

– Những con sóng liên t■ xô vào bờ.

## LUYỆN TẬP

1. Những từ ngữ nào dưới đây chỉ người làm việc trên biển?

ngư dân | bộ đội hải quân | lái xe | thợ lặn | thuỷ thủ | nông dân

2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu.

| A | B |
|---|---|
| Những người dân chài ra khơi | để nuôi tôm cá. |
| Các chú bộ đội hải quân tuần tra | để đánh cá. |
| Người dân biển làm lồng bè | để canh giữ biển đảo. |

3. Dựa vào kết quả ở bài tập 2, đặt 2 câu hỏi và 2 câu trả lời theo mẫu.

M: – Những người dân chài ra khơi để làm gì?

– Những người dân chài ra khơi để đánh cá.

1. Nói những điều em biết về các chú bộ đội hải quân.

2. Viết 4 – 5 câu để cảm ơn các chú bộ đội hải quân đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

G:

(1) Mở đầu, em gửi lời chào đến các chú bộ đội hải quân.

(4) Cuối cùng, em gửi lời chúc, lời chào đến các chú bộ đội hải quân.

Viết lời cảm ơn

(2) Tiếp theo, em giới thiệu ngắn gọn về mình.

(3) Em viết lời cảm ơn và nêu rõ lí do khiến em biết ơn các chú bộ đội hải quân.

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc bài thơ, câu chuyện viết về các chú bộ đội hải quân.
2. Đọc cho các bạn nghe những câu văn, câu thơ em thích.

Tuần 31

Bài 23

# BÓP NÁT QUẢ CAM

## ĐỌC

Nói tên một người anh hùng nhỏ tuổi mà em biết.

### BÓP NÁT QUẢ CAM

Giặc Nguyên cho sứ thần sang giả vờ mượn đường để xâm chiếm nước ta. Thấy sứ giặc ngang ngược, Trần Quốc Toản vô cùng căm giận.

Biết vua họp bàn việc nước dưới thuyền rồng, Quốc Toản muốn được gặp để xin vua quyết đánh. Đợi mãi không gặp được vua, cậu liều chết xô mấy người lính gác, xăm xăm xuống bến.

Gặp vua, Quốc Toản quỳ xuống tâu:

– Cho giặc mượn đường là mất nước. Xin bệ hạ cho đánh!

Nói xong, cậu tự đặt thanh gươm lên gáy, xin chịu tội.

Vua cho Quốc Toản đứng dậy, ôn tồn bảo:

– Quốc Toản làm trái phép nước, lẽ ra phải trị tội. Nhưng còn trẻ mà đã biết lo việc nước, ta có lời khen.

Nói rồi, vua ban cho Quốc Toản một quả cam.

Quốc Toản ấm ức bước lên bờ: "Vua ban cho cam quý nhưng xem ta như trẻ con, không cho dự bàn việc nước.". Nghĩ đến quân giặc ngang ngược, cậu nghiến răng, hai bàn tay bóp chặt.

Khi trở ra, Quốc Toản xoè tay cho mọi người xem cam quý. Nhưng quả cam đã nát từ bao giờ.

(*Theo* Nguyễn Huy Tưởng)

**Từ ngữ**

– *Giặc Nguyên*: giặc từ phương Bắc.

– *Trần Quốc Toản* (1267 – 1285): một thiếu niên anh hùng, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên.

1. Trần Quốc Toản xin gặp vua để làm gì?
2. Tìm chi tiết cho thấy Trần Quốc Toản rất nóng lòng gặp vua.
3. Vua khen Trần Quốc Toản thế nào?
4. Vì sao được vua khen mà Trần Quốc Toản vẫn ấm ức?
5. Việc Trần Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam thể hiện điều gì?

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

Trần Quốc Toản | vua | thuyền rồng | quả cam | lính | sứ thần | thanh gươm

| Từ ngữ chỉ người | Từ ngữ chỉ vật |
|---|---|

2. Kết hợp ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để tạo câu nêu hoạt động.

| | |
|---|---|
| Trần Quốc Toản | trẻ tuổi mà dũng cảm. |
| | là một cậu bé có lòng yêu nước. |
| | xô mấy người lính gác, xăm xăm xuống bến để gặp vua. |

## VIẾT

1. Viết chữ hoa: Q Q

2. Viết ứng dụng: Trần Quốc Toản là người anh hùng nhỏ tuổi.

## NÓI VÀ NGHE

**1.** Nêu sự việc trong từng tranh.

### Bóp nát quả cam

Trần Quốc Toản xô những người lính gác để đi đâu?

Trần Quốc Toản nói với vua điều gì?

Vua nói với Trần Quốc Toản điều gì?

Quả cam trên tay Trần Quốc Toản thế nào?

**2.** Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Kể cho người thân về người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản.

Bài 24

# CHIẾC RỄ ĐA TRÒN

## ĐỌC

Hát một bài hát về Bác Hồ với thiếu niên, nhi đồng.

## CHIẾC RỄ ĐA TRÒN

Một sớm hôm ấy, như thường lệ, Bác Hồ đi dạo trong vườn. Đến gần cây đa, Bác chợt thấy một chiếc rễ đa nhỏ và dài ngoằn ngoèo trên mặt đất. Chắc là trận gió đêm qua đã làm nó rơi xuống. Bác tần ngần một lát, rồi nói với chú cần vụ:

– Chú cuốn chiếc rễ này lại, rồi trồng cho nó mọc tiếp nhé!

Theo lời Bác, chú cần vụ xới đất, vùi chiếc rễ xuống. Thấy vậy, Bác ân cần bảo:

– Chú nên làm thế này.

Nói rồi, Bác cuộn chiếc rễ thành một vòng tròn, cùng chú cần vụ buộc nó tựa vào hai cái cọc, sau đó mới vùi hai đầu rễ xuống đất.

Chú cần vụ thắc mắc:

– Thưa Bác, Bác làm thế để làm gì ạ?

Bác khẽ cười:

– Rồi chú sẽ biết.

Nhiều năm sau, chiếc rễ đã lớn và thành cây đa con có vòng lá tròn. Thiếu nhi vào thăm vườn Bác, em nào cũng thích chơi trò chui qua chui lại vòng lá ấy. Lúc đó, mọi người mới hiểu vì sao Bác cho trồng chiếc rễ đa thành hình tròn như thế.

(Theo *Mỗi câu chuyện nhỏ một bài học lớn*)

**Từ ngữ**

– *Ngoằn ngoèo*: uốn lượn theo nhiều hướng khác nhau.

– *Tần ngần*: đang mải suy nghĩ, cân nhắc và chưa biết nên làm gì hay quyết định thế nào.

– *Cần vụ*: người làm công việc chăm sóc Bác Hồ.

1. Thấy chiếc rễ đa nằm trên mặt đất, Bác đã bảo chú cần vụ làm gì?
2. Bác hướng dẫn chú cần vụ trồng chiếc rễ đa như thế nào?
3. Vì sao Bác cho trồng chiếc rễ đa như vậy?
4. Qua bài đọc, em thấy tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi như thế nào?

1. Chọn từ (*cuốn, vùi, xới, trồng*) phù hợp với mỗi chỗ trống.

a. Chú (…) chiếc rễ này lại rồi (…) cho nó mọc tiếp nhé!

b. Chú cần vụ (…) đất, (…) chiếc rễ xuống.

2. Tìm trong bài câu có dùng *dấu chấm than*. Câu đó dùng để làm gì? (chọn ý đúng)

a. Nêu yêu cầu, đề nghị

b. Thể hiện cảm xúc

c. Kể sự việc, hoạt động

## VIẾT

1. Nghe – viết: *Chiếc rễ đa tròn* (từ *Nhiều năm sau* đến *hình tròn như thế*).
2. Viết vào vở tên của 2 nhân vật được nói đến trong chủ điểm *Con người Việt Nam*.
3. Chọn a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *iu* hoặc *ưu*.

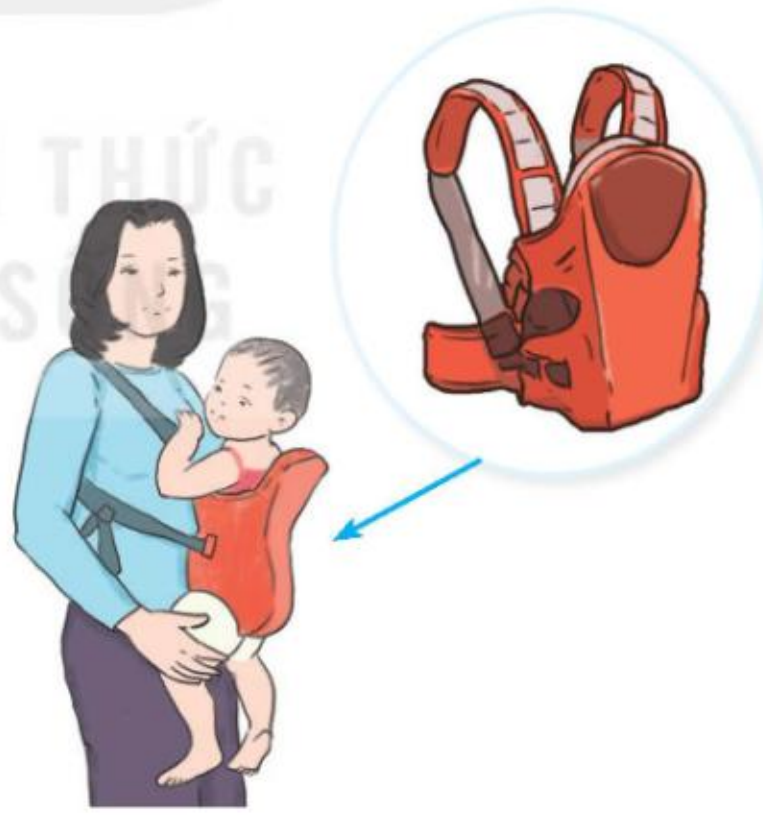

b. Chọn *im* hoặc *iêm* thay cho ô vuông.

đàn ch■ quả hồng x■ đứng ngh■ màu t■

## LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

yêu thương | kính yêu | chăm lo | nhớ ơn | kính trọng | quan tâm

Nhóm 1: Từ ngữ chỉ tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi

Nhóm 2: Từ ngữ chỉ tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ

2. Chọn từ phù hợp để hoàn thành câu.

anh dũng | thân thiện | cần cù

a. Người dân Việt Nam lao động rất (...).

b. Các chú bộ đội chiến đấu (...) để bảo vệ Tổ quốc.

c. Người Việt Nam luôn (...) với du khách nước ngoài.

3. Quan sát tranh:

a. Đặt tên cho bức tranh.

b. Nói một câu về Bác Hồ.

1. Kể lại một việc Bác Hồ đã làm trong câu chuyện *Chiếc rễ đa tròn*.

– Em muốn kể về việc làm nào của Bác Hồ?

– Bác đã làm việc đó như thế nào?

– Em có suy nghĩ gì về việc làm của Bác?

2. Viết 4 – 5 câu về việc em vừa kể ở trên.

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một câu chuyện kể về Bác Hồ.
2. Kể lại câu chuyện đã đọc. Nói cảm xúc của em sau khi đọc câu chuyện.

# VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG EM

# Bài 25 ĐẤT NƯỚC CHÚNG MÌNH

## ĐỌC

Đoán xem các bạn nhỏ trong tranh đang nói gì.

### ĐẤT NƯỚC CHÚNG MÌNH

Việt Nam là đất nước tươi đẹp của chúng mình. Thủ đô nước mình là Hà Nội. Lá cờ Tổ quốc hình chữ nhật, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.

Việt Nam có những vị anh hùng có công lớn với đất nước như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Hồ Chí Minh,... Những con người ấy đã làm rạng danh lịch sử nước nhà.

Đất nước mình có ba miền Bắc, Trung, Nam với khí hậu khác nhau. Miền Bắc một năm có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông. Miền Nam có hai mùa: mùa mưa và mùa khô. Miền Trung có nơi giống miền Bắc, có nơi giống miền Nam.

Trang phục truyền thống của người Việt Nam là áo dài. Áo dài thường được mặc trong dịp Tết hoặc lễ hội.

(Trung Sơn)

1. Sắp xếp các thẻ dưới đây theo trình tự các đoạn trong bài đọc.

| | |
|---|---|
| 1 Các miền, khí hậu | 2 Tên nước, thủ đô, lá cờ |
| 3 Những người anh hùng | 4 Trang phục truyền thống |

2. Lá cờ Tổ quốc ta được tả như thế nào?
3. Bài đọc nói đến những vị anh hùng nào của dân tộc ta?
4. Kể tên các mùa trong năm ở ba miền đất nước.

1. Tìm các tên riêng có trong bài đọc.
2. Dùng từ *là* kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu.

| A | là | B |
|---|---|---|
| Việt Nam | | Hà Nội. |
| Thủ đô nước mình | | áo dài. |
| Trang phục truyền thống của người Việt Nam | | đất nước tươi đẹp của chúng mình. |

## VIẾT

1. Viết chữ hoa: 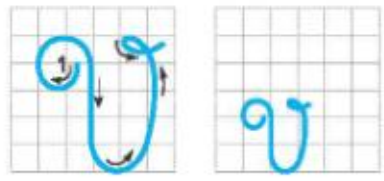

2. Viết ứng dụng: Việt Nam có nhiều danh lam thắng cảnh.

## NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

### Thánh Gióng

(*Theo* Lê Trí Viễn)

Cậu bé Gióng có gì đặc biệt?

Gióng đã nói gì với sứ giả?

Gióng đã thay đổi như thế nào?

Sau khi đánh đuổi giặc Ân, Gióng đã làm gì?

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Nói với người thân điều em thấy thú vị nhất trong câu chuyện *Thánh Gióng*.

Bài 26

# TRÊN CÁC MIỀN ĐẤT NƯỚC

## ĐỌC

Em đã từng đến thăm những vùng miền nào của đất nước mình?

### TRÊN CÁC MIỀN ĐẤT NƯỚC

Đất nước Việt Nam thật tươi đẹp. Hãy cùng nhau đi thăm các miền đất nước qua những câu ca dao.

Đầu tiên, chúng ta sẽ đến Phú Thọ, miền Bắc nước ta, nơi có đền thờ Vua Hùng, nơi được gọi là "quê cha đất tổ":

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba.

Tiếp đến, chúng ta cùng vào miền Trung:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.

Và chúng ta cùng khám phá miền đất Nam Bộ:

Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh
Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.

Vậy là chúng ta đã đi qua ba miền Bắc, Trung, Nam của đất nước. Nơi nào cũng để lại biết bao tình cảm mến thương.

(Thuỳ Dương *tổng hợp*)

**Từ ngữ**

– *Ca dao*: thơ do nhân dân sáng tác, được truyền miệng.
– *Tranh hoạ đồ*: tranh vẽ cảnh vật, sông núi.
– *Đồng Tháp Mười*: tên vùng đất trũng rộng lớn ở miền Nam.

1. Tìm các câu thơ, câu ca dao nói về:
   a. Xứ Nghệ
   b. Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương
   c. Đồng Tháp Mười
2. Ngày Giỗ Tổ là ngày nào?
3. Tìm từ ngữ miêu tả vẻ đẹp của xứ Nghệ.
4. Chọn ý giải thích đúng cho mỗi câu sau:

| Câu thơ | Ý nghĩa |
|---|---|
| Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh | a. Đồng Tháp Mười có rất nhiều cò. |
| | b. Đồng Tháp Mười rộng mênh mông. |
| Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm | a. Cá tôm ở Đồng Tháp Mười có nhiều màu sắc. |
| | b. Đồng Tháp Mười nhiều tôm cá. |

* Học thuộc lòng các câu ca dao trong bài.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tìm những tên riêng được nhắc đến trong bài.

2. Mỗi câu ở cột A thuộc kiểu câu nào ở cột B?

| A | B |
|---|---|
| Đất nước mình thật tươi đẹp. | Câu nêu hoạt động |
| Đồng Tháp Mười là tên vùng đất ở miền Nam. | Câu nêu đặc điểm |
| Chúng ta cùng đi thăm ba miền đất nước. | Câu giới thiệu |

## VIẾT

**1.** Nghe – viết:

**Trên các miền đất nước**

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba.

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.

Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh
Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.

**2.** Viết tên 2 – 3 tỉnh hoặc thành phố mà em biết.

M: Hà Nội

**3.** Chọn a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Bà còng đi ▨ợ ▨ời mưa
Cái tôm cái tép đi đưa bà còng.
Đưa bà đến quãng đường cong
Đưa bà vào tận ngõ ▨ong nhà bà.

(*Ca dao*)

b. Tìm tiếng chứa *iu* hoặc *iêu* thay cho ô vuông.

cái ■

hạt ■

hạt ■

## LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật tương ứng với mỗi lời giải thích dưới đây:

a. Món ăn gồm bánh phở và thịt, chan nước dùng.

b. Vật dùng để đội đầu, che mưa nắng, thường làm bằng lá, có hình chóp.

c. Trang phục truyền thống của người Việt Nam.

d. Đồ chơi dân gian, được nặn bằng bột màu hấp chín, thường có hình con vật.

2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu.

| A | B |
|---|---|
| Hồ Ba Bể | là thành phố ngàn hoa. |
| Hang Sơn Đoòng | là hồ nước ngọt quý hiếm của Việt Nam. |
| Đà Lạt | là hang động lớn nhất thế giới. |

3. Đặt một câu giới thiệu về quê em hoặc nơi em ở.

1. Nêu tên các đồ vật được làm từ tre hoặc gỗ và công dụng của chúng.

2. Viết 4 – 5 câu giới thiệu một đồ vật được làm từ tre hoặc gỗ.

G:

(1) Em muốn giới thiệu đồ vật gì?

(4) Em có nhận xét gì về đồ vật đó hoặc người làm ra đồ vật đó?

**Giới thiệu đồ vật**

(2) Đồ vật đó có điểm gì nổi bật? (về hình dạng, màu sắc,...)

(3) Đồ vật đó được dùng để làm gì?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## ĐỌC MỞ RỘNG

**1.** Tìm đọc bài thơ, câu chuyện viết về cảnh đẹp trên các miền đất nước.

**2.** Đọc cho bạn nghe đoạn thơ hoặc đoạn truyện em thích.

Việt Nam quê hương ta
(*Trích*)
Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.

(Nguyễn Đình Thi)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 33

Bài 27

# CHUYỆN QUẢ BẦU

## ĐỌC

Dựa vào tranh minh hoạ, hãy đoán xem câu chuyện nói về điều gì.

### CHUYỆN QUẢ BẦU

Ngày xưa có vợ chồng nọ đi rừng, bắt được một con dúi. Dúi xin tha, họ thương tình tha cho nó.

Để trả ơn, dúi báo sắp có lũ lụt rất lớn và chỉ cho họ cách tránh. Họ nói với bà con nhưng chẳng ai tin. Nghe lời dúi, họ khoét rỗng khúc gỗ to, chuẩn bị thức ăn bỏ vào đó. Vừa chuẩn bị xong mọi thứ thì mưa to, gió lớn, nước ngập mênh mông. Muôn loài chìm trong biển nước. Nhờ sống trong khúc gỗ nổi, vợ chồng nhà nọ thoát nạn.

Ít lâu sau, người vợ sinh ra một quả bầu.

Một hôm, đi làm nương về, họ nghe tiếng cười đùa từ gác bếp để quả bầu. Thấy lạ, họ lấy quả bầu xuống, áp tai nghe thì có tiếng lao xao. Người vợ bèn lấy que dùi quả bầu. Lạ thay, từ trong quả bầu, những con người bé nhỏ bước ra. Người Khơ Mú ra trước. Tiếp đến, người Thái, người Mường, người Dao, người Mông, người Ê-đê, người Ba-na, người Kinh,... lần lượt ra theo.

Đó là tổ tiên của các dân tộc anh em trên đất nước ta ngày nay.

(Theo *Truyện cổ Khơ Mú*)

**Từ ngữ**

– *Con dúi*: loài thú nhỏ, ăn củ và rễ cây, sống trong hang đất.

– *Nương*: đất trồng trên đồi, núi hoặc bãi cao ven sông.

– *Tổ tiên*: những người đầu tiên sinh ra một dòng họ hoặc một dân tộc.

1. Con dúi nói với hai vợ chồng điều gì?
2. Nhờ đâu hai vợ chồng thoát khỏi nạn lũ lụt?
3. Những sự việc kì lạ nào xảy ra sau khi hai vợ chồng thoát khỏi nạn lũ lụt?
4. Theo em, câu chuyện nói về điều gì?

a. Giải thích về nạn lũ lụt hằng năm

b. Giải thích về nguồn gốc các dân tộc trên đất nước ta

c. Nêu cách phòng chống thiên tai, lũ lụt

1. Viết tên 3 dân tộc trong bài đọc.
2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

| A | B |
|---|---|
| Sấm chớp | héo vàng. |
| Cây cỏ | vắng tanh. |
| Mặt đất | ầm ầm. |

## VIẾT

**1.** Viết chữ hoa: Ôn các chữ hoa

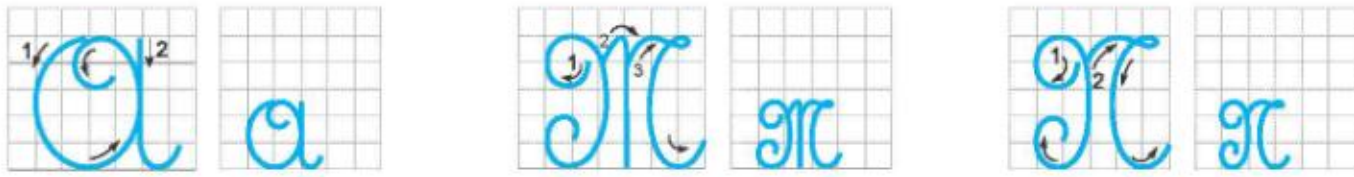

**2.** Viết ứng dụng: Muôn người như một.

## NÓI VÀ NGHE

**1.** Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, nói về nội dung của từng tranh.

**2.** Sắp xếp các tranh theo trình tự của câu chuyện.

### Chuyện quả bầu

Chuyện gì xảy ra sau khi hai vợ chồng làm theo lời dúi?

Dúi khuyên hai vợ chồng điều gì?

Có những ai đi ra từ quả bầu?

Hai vợ chồng làm gì?

**3.** Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

Hỏi người thân về tên của một số dân tộc trên đất nước ta.

Bài 28

# KHÁM PHÁ ĐÁY BIỂN Ở TRƯỜNG SA

## ĐỌC

Nói những điều em biết về biển.

## KHÁM PHÁ ĐÁY BIỂN Ở TRƯỜNG SA

Nhắc đến Trường Sa, ngoài các đảo, người ta nhắc đến biển. Mà biển thì có muôn vàn điều kì thú. Thám hiểm đáy biển ở Trường Sa của nước ta sẽ thấy bao điều thú vị.

Biển ở Trường Sa có những loài cá đẹp rực rỡ và lạ mắt. Từng đàn cá đủ màu sắc, dày đặc đến hàng trăm con tạo nên một tấm thảm hoa di động. Những vỉa san hô chạy dài từ chân mỗi đảo xuống sâu dần dưới đáy biển. San hô làm cho đáy biển trông như một bức tranh khổng lồ, đẹp như những toà lâu đài trong truyện cổ tích.

Trường Sa là vùng biển thân yêu của Tổ quốc, có cảnh đẹp kì thú và hàng nghìn loài vật sống dưới biển.

(*Theo* Nguyễn Xuân Thuỷ)

**Từ ngữ**

– *Thám hiểm*: đi vào vùng xa lạ, hiểm trở để khám phá những điều mới lạ.

– *San hô*: động vật biển, có bộ xương dạng cánh hoa, nhiều màu sắc.

– *Vỉa san hô*: san hô tập trung thành bờ như bức tường đá.

1. Nhắc đến Trường Sa, người ta nhắc đến những gì?
2. Vẻ đẹp của những loài cá được miêu tả như thế nào?
3. San hô dưới đáy biển được so sánh với những gì?
4. Sau bài đọc, em biết thêm điều gì về biển ở Trường Sa?

1. Tìm những từ chỉ đặc điểm trong các từ dưới đây:

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| đảo | biển | rực rỡ | khổng lồ | san hô | đẹp |

2. Đặt một câu với từ vừa tìm được.

## VIẾT

1. Nghe – viết: *Khám phá đáy biển ở Trường Sa* (từ *Biển ở Trường Sa* đến *dưới đáy biển*).

2. Chọn *it* hoặc *uyt* thay cho ô vuông.

a. Chú mực ống cứ thấy kẻ lạ là phun mực đen k■ cả một vùng nước xanh.

b. Tàu ngầm trông như chiếc xe b■ chạy dưới đáy đại dương.

c. Cậu bé vừa đi vừa h■ sáo.

3. Chọn a hoặc b.

a. Tìm tiếng chứa *iêu* hoặc *ươu* thay cho ô vuông.

– Ốc ■ sống trong ruộng lúa.

– Hội thi thả ■ được tổ chức trên bãi biển.

b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *in* hoặc *inh* phù hợp với tranh.

## LUYỆN TẬP

1. Nói tên các loài vật trong tranh.

2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu hoạt động.

| A | B |
|---|---|
| Những con còng gió | bơi lội trong làn nước xanh. |
| Chim yến | đuổi nhau trên bãi cát. |
| Các loài cá | làm tổ trên vách đá ven biển. |

3. Chọn *dấu phẩy* hoặc *dấu chấm* thay cho ô vuông.

Cả một thế giới sinh động■ rực rỡ đang chuyển động dưới đáy biển■ Cá hề■ cá ngựa■ mực ống■ sao biển■ tôm■ cua len lỏi giữa rừng san hô■ Chú rùa biển thân hình kềnh càng đang lững lờ bơi giữa đám sinh vật đủ màu sắc■

1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

a. Mọi người đang ở đâu? Cảnh vật nơi đó có gì đẹp?

b. Mỗi người đang làm gì?

c. Theo em, cảm xúc của mọi người như thế nào?

2. Viết 4 – 5 câu kể về một buổi đi chơi cùng người thân (hoặc thầy cô, bạn bè).

G:

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc truyện dân gian Việt Nam.
2. Nói với bạn về nhân vật hoặc sự việc em thích trong truyện đã đọc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 34

Bài 29

# HỒ GƯƠM

## ĐỌC

Em biết những gì về Thủ đô Hà Nội?

### HỒ GƯƠM

Nhà tôi ở Hà Nội, cách Hồ Gươm không xa. Từ trên cao nhìn xuống, mặt hồ như một chiếc gương bầu dục lớn, sáng long lanh.

Cầu Thê Húc màu son, cong cong như con tôm, dẫn vào đền Ngọc Sơn. Mái đền lấp ló bên gốc đa già, rễ lá xum xuê. Xa một chút là Tháp Rùa, tường rêu cổ kính. Tháp xây trên gò đất giữa hồ, cỏ mọc xanh um.

Có buổi, người ta thấy có con rùa lớn, đầu to như trái bưởi, nhô lên khỏi mặt nước. Rùa như lắng nghe tiếng chuông đồng hồ trên tầng cao nhà bưu điện, buông từng tiếng ngân nga trong gió. Tôi thầm nghĩ: không biết có phải rùa đã từng ngậm thanh kiếm của vua Lê thắng giặc đó không?

(*Theo* Ngô Quân Miện)

**Từ ngữ**

– *Hồ Gươm*: còn gọi là hồ Hoàn Kiếm, ở Thủ đô Hà Nội.

– *Cổ kính*: cổ và trang nghiêm.

1. Bài văn tả những cảnh đẹp nào ở Hồ Gươm?
2. Cầu Thê Húc được miêu tả như thế nào?
3. Nói 1 – 2 câu giới thiệu về Tháp Rùa.
4. Khi thấy rùa hiện lên trên mặt hồ, tác giả nghĩ đến điều gì?

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

| | | |
|---|---|---|
| cong cong | rùa | lớn |
| trái bưởi | thanh kiếm | xum xuê |

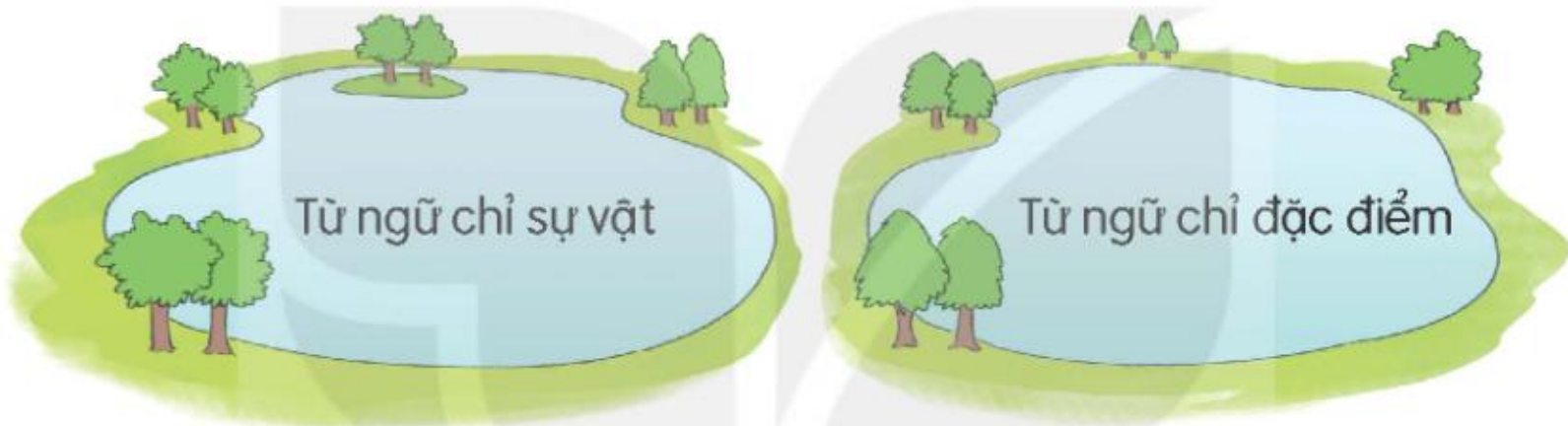


2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu.

| A | B |
|---|---|
| Mặt hồ | như con tôm. |
| Cầu Thê Húc cong cong | như trái bưởi. |
| Đầu rùa to | như chiếc gương bầu dục lớn. |

## VIẾT

1. Viết chữ hoa: Ôn các chữ hoa
2. Viết ứng dụng: Quê em có dòng sông uốn quanh.

## NÓI VÀ NGHE

# Nói về quê hương, đất nước em

**1.** Cùng bạn trao đổi về những điều thú vị ở quê hương em hoặc nơi em sống.

G: – Quê hương em hoặc nơi em sống có điều gì thú vị? (cảnh vật, hoạt động, những sản phẩm đặc biệt,...)

– Em có tình cảm như thế nào với nơi đó?

**2.** Nói những điều em biết thêm về quê hương, đất nước qua trao đổi với bạn ở bài tập 1.

Kể cho người thân những điều em thấy thú vị về quê hương, đất nước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 30

# CÁNH ĐỒNG QUÊ EM

## ĐỌC

Nói về cảnh vật trong bức tranh dưới đây.

## CÁNH ĐỒNG QUÊ EM

Bé theo mẹ ra đồng
Vầng dương lên rực đỏ
Muôn vàn kim cương nhỏ
Lấp lánh ngọn cỏ hoa.

Nắng ban mai hiền hoà
Tung lụa tơ vàng óng
Trải lên muôn con sóng
Dập dờn đồng lúa xanh.

Đàn chiền chiện bay quanh
Hót tích ri tích rích
Lũ châu chấu tinh nghịch
Đu cỏ uống sương rơi.

Sóng xanh cuộn chân trời
Cánh đồng như tranh vẽ
Bé ngân nga hát khẽ
Trong hương lúa mênh mông.

(Bùi Minh Huế)

**Từ ngữ**

– *Vầng dương*: mặt trời.

– *Tích ri tích rích*: tiếng kêu nhỏ liên tiếp của chim chiền chiện.

1. Trong bài thơ, bé nhìn thấy vầng dương đẹp như thế nào?
2. Nắng ban mai được tả như thế nào?
3. Đàn chiền chiện và lũ châu chấu làm gì trên cánh đồng?

4. Theo em, vì sao bé ngân nga hát giữa cánh đồng?

* Học thuộc lòng 2 khổ thơ em yêu thích.

1. Tìm trong bài từ ngữ:

   a. chỉ màu sắc của mặt trời

   b. chỉ màu sắc của ánh nắng

   c. chỉ màu sắc của đồng lúa

2. Tìm thêm từ ngữ tả mặt trời, ánh nắng, đồng lúa.

## VIẾT

1. Nghe – viết: *Cánh đồng quê em* (3 khổ thơ đầu).
2. Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.
   (*Một Cột, Bến Thành, Tràng Tiền, Hạ Long*)

Chùa ▨ ở Thủ đô Hà Nội.

Cầu ▨ ở thành phố Huế.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Vịnh ▨ là một thắng cảnh nổi tiếng thế giới.

Chợ ▨ là chợ lớn nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.** Chọn a hoặc b.

a. Chọn *r*, *d* hoặc *gi* thay cho ô vuông.

– Mùa gặt, đường làng phủ đầy ▨om vàng.

– Mọi ▨òng sông đều đổ về biển cả.

– Các chú bộ đội đang canh ▨ữ biển trời Tổ quốc.

b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

Bàn tay ta làm nên tất **ca**
Có sức người, **soi** đá **cung** thành cơm.

(*Theo* Hoàng Trung Thông)

## LUYỆN TẬP

1. Kết hợp từ ở cột A với từ ở cột B để tạo từ ngữ chỉ công việc của người nông dân.

| A | B |
|---|---|
| cày | lúa |
| gặt | mạ |
| gieo | phân |
| bón | nước |
| tưới | ruộng |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Hỏi – đáp về công việc của những người trong từng ảnh.

3. Nói về nghề nghiệp của những người trong từng ảnh.

1. Nói những điều em biết về một nghề nghiệp em yêu thích.
2. Viết 4 – 5 câu kể về công việc của một người mà em biết.

G: – Em muốn kể về ai? Người đó làm công việc gì?

– Người đó làm việc ở đâu?

– Công việc đó đem lại lợi ích gì ?

– Em có suy nghĩ gì về công việc đó?

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một câu chuyện hoặc một bài thơ nói về nghề nghiệp.
2. Nói với bạn về những điều thú vị của nghề nghiệp được nói đến trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc.

Tuần 35

# ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 2

## PHẦN I – ÔN TẬP

### Tiết 1 – 2

**1.** Đọc lại các bài đã học.

**2.** Trao đổi về các bài đọc: Nêu tên bài đã đọc, chi tiết, nhân vật hoặc đoạn văn, đoạn thơ mình yêu thích nhất.

## Tiết 3 – 4

**3.** Đọc bài thơ dưới đây, trả lời câu hỏi và thực hiện theo yêu cầu.

### Thăm bạn ốm

Hôm nay đến lớp
Thấy vắng thỏ nâu
Các bạn hỏi nhau:
"Thỏ đi đâu thế?"
Gấu liền nói khẽ:
"Thỏ bị ốm rồi
Này các bạn ơi
Đến thăm thỏ nhé!"

"Gấu tôi mua khế
Khế ngọt lại thanh."
"Mèo tôi mua chanh
Đánh đường mát ngọt."
Hươu mua sữa bột
Nai sữa đậu nành
Chúc bạn khoẻ nhanh
Cùng nhau đến lớp.

(*Theo* Trần Thị Hương)

a. Vì sao thỏ nâu nghỉ học?

b. Các bạn bàn nhau chuyện gì?

c. Đóng vai một trong số các bạn đến thăm thỏ nâu, nói 2 – 3 câu thể hiện sự quan tâm, mong muốn của mình và các bạn đối với thỏ nâu.

d. Tưởng tượng em là bạn cùng lớp với thỏ nâu. Vì có việc bận, em không đến thăm thỏ nâu được. Hãy viết lời an ủi, động viên thỏ nâu và nhờ các bạn chuyển giúp.

**4.** Quan sát tranh, tìm từ ngữ:

a. Chỉ sự vật (người, đồ vật, con vật, cây cối)

M: trẻ em

b. Chỉ đặc điểm

M: tươi vui

c. Chỉ hoạt động

M: chạy nhảy

**5.** Đặt câu:

a. Câu giới thiệu sự vật

M: Đây là công viên.

b. Câu nêu đặc điểm

M: Công viên hôm nay đông vui.

c. Câu nêu hoạt động

M: Mọi người đi dạo trong công viên.

## Tiết 5 – 6

**6.** Đoán xem mỗi câu đố nói về loài chim nào.

Mỏ cứng như dùi
Luôn gõ "cộc cộc"
Cây nào sâu đục
Có tôi! Có tôi!
(*Là chim gì?*)

Chân đen, mình trắng
Đứng nắng giữa đồng
Làm bạn nhà nông
Thích mò tôm cá.
(*Là chim gì?*)

Mỏ dài lông biếc
Trên cành lặng yên
Bỗng vụt như tên
Lao mình bắt cá.
(*Là chim gì?*)

**7.** Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của một loài vật em yêu thích.

Chích bông: *nhỏ xíu,...*

Mèo: *dễ thương,...*

Chim công: *lộng lẫy,...*

Sóc: *nhanh nhẹn,...*

Thỏ: *nhút nhát,...*

Nai: *hiền lành,...*

**8.** Hỏi – đáp về đặc điểm của một số loài vật.

M:

Hỏi: – Gấu có thân hình như thế nào?

Đáp: – Thân hình gấu to lớn.

Hỏi: – Gấu đi như thế nào?

Đáp: – Gấu đi lặc lè.

**9.** Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu phẩy* thay cho ô vuông.

Vào ngày hội, đồng bào các buôn xa▨ bản gần nườm nượp kéo về buôn Đôn▨ Tất cả đều đổ về trường đua voi.

Khi lệnh xuất phát vang lên, voi cuốn vòi chạy trong tiếng reo hò của người xem cùng tiếng chiêng▨ tiếng trống▨ tiếng khèn vang dậy.

(*Theo* Ay Dun và Lê Tấn)

## Tiết 7 – 8

**10.** Nghe – viết:

### Tiếng gà mở cửa

(*Trích*)

Em bừng tỉnh dậy
Lắng nghe
Tiếng gà vang bốn phía
Tiếng gà gõ cửa
Tiếng gà thổi bùng bếp lửa.
Mở cửa! Mở cửa!
Tiếng gà lảnh lói
Nhuộm đỏ vầng đông
Tiếng gà rung khóm hồng
Tiếng gà chín tươi chùm ớt
Giọt sương mai nhảy nhót
Ngọn tre lên vút
Trời xanh trong.

(Định Hải)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**11.** Chọn a hoặc b.

a. Chọn *l* hoặc *n* thay cho ô vuông.

**Mùa thu sang**

Cứ mỗi độ thu sang
Hoa cúc □ại □ở vàng
Ngoài vườn hương thơm ngát
Ong bướm bay rộn ràng

Em cắp sách tới trường
□ắng tươi trải trên đường
Trời cao xanh gió mát
Đẹp thay □úc thu sang.

(*Theo* Trần Lê Văn)

b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

Gà mẹ **hoi** gà con:
– **Đa** ngủ chưa thế **ha**?
**Ca** đàn gà nhao nhao:
– Ngủ **ca** rồi đấy ạ!

(*Theo* Phạm Hổ)

**12.** a. Nói cảm xúc, suy nghĩ của em về trường lớp; về thầy cô khi năm học sắp kết thúc.

b. Viết 4 – 5 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em khi năm học sắp kết thúc.

G: – Em có suy nghĩ gì khi năm học sắp kết thúc?
– Em cảm thấy thế nào nếu mấy tháng nghỉ hè không đến trường?
– Em sẽ nhớ nhất điều gì về trường lớp, về thầy cô khi nghỉ hè?

# PHẦN II – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 2

(Đề tham khảo)

## A. ĐỌC

**1.** Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

### Cây bàng

Cứ vào mùa đông
Gió về rét buốt
Cây bàng trụi trơ
Lá cành rụng hết
Chắc là nó rét!
Khi vào mùa nắng
Tán lá xoè ra
Như cái ô to
Đang làm bóng mát
Bóng bàng tròn lắm
Tròn như cái nong
Em ngồi vào trong
Mát ơi là mát!
A! Bàng tốt lắm
Bàng che cho em
Nhưng ai che bàng
Cho bàng khỏi nắng?

(Xuân Quỳnh)

a. Mùa đông, cây bàng như thế nào?

b. Mùa nào cây bàng toả bóng mát?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# Cánh chim báo mùa xuân

Bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông sống trên bốn ngọn núi. Năm ấy không hiểu vì sao, mùa đông kéo dài lê thê. Muôn loài khổ sở vì rét, bèn cử chim công có sắc đẹp lộng lẫy nhất đi đón nàng tiên mùa xuân. Nhưng đường xa, gió lạnh, công bị ốm, phải quay về.

Sư tử liền đi thay công. Cậy khoẻ, sư tử đi không nghỉ, nhưng rồi đuối sức dần, không đi tiếp được.

Chim én nói:

– Mẹ cháu ho ngày càng nặng. Không có nắng ấm mùa xuân, mẹ cháu khó qua khỏi. Cháu xin đi!

Muông thú đồng ý. Chim én mẹ nhổ lông cánh tết thành chiếc áo choàng cho con. Én con bay mãi, bay mãi, cuối cùng cũng đến chỗ ở của nàng tiên mùa xuân. Én con thấy một chú chim co ro bên đường liền

cởi áo choàng đắp cho bạn. Chú chim bỗng biến mất, nàng tiên mùa xuân hiện ra:

– Con thật hiếu thảo, nhân hậu và dũng cảm! Ta chọn con làm sứ giả của mùa xuân.

Én con trở về cùng nàng tiên mùa xuân. Từ đó, mỗi khi thấy chim én bay liệng, muôn loài biết rằng mùa xuân sắp về.

(Theo *Kể chuyện cho bé*)

**Từ ngữ**

*Sứ giả của mùa xuân*: người được coi là đại diện cho mùa xuân.

**Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.**

a. Lúc đầu, muông thú chọn con vật như thế nào để đi đón nàng tiên mùa xuân?

- ▨ Có sắc đẹp
- ▨ Có sức khoẻ
- ▨ Có lòng dũng cảm

b. Con vật nào đã được cử đi đầu tiên?

- ▨ chim công
- ▨ chim én
- ▨ sư tử

c. Vì sao chim én xin đi đón nàng tiên mùa xuân?

- ▨ Vì chim én biết mình bay nhanh.
- ▨ Vì chim én khoẻ hơn công và sư tử.
- ▨ Vì chim én muốn đem nắng ấm về cho mẹ.

d. Nhờ đâu chim én đến được nơi ở của nàng tiên mùa xuân, không bỏ về giữa chừng?

e. Khi nào nàng tiên mùa xuân mới hiện ra trước mắt chim én?

g. Vì sao chim én được chọn làm sứ giả của mùa xuân?

h. Dấu câu nào thích hợp với các ô vuông dưới đây?

Muông thú đói▨ rét▨ ốm đau vì mùa đông kéo dài.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## B. VIẾT

**1.** Nghe – viết: *Cây bàng* (3 khổ thơ đầu).

**2.** Chọn a hoặc b.

a. Chọn *s* hoặc *x* thay cho ô vuông.

Hàng chuối lên ▨anh mướt
Phi lao reo trập trùng
Vài ngôi nhà ngói đỏ
In bóng ▨uống dòng ▨ông.

(*Theo* Trần Đăng Khoa)

b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

Một bác chài lặng **le**
Buông câu trong bóng chiều
**Bông** nhiên con cá **nho**
**Nhay** lên thuyền như trêu.

(*Theo* Trần Đăng Khoa)

**3.** Viết 4 – 5 câu kể lại một hoạt động ở trường hoặc lớp em (biểu diễn văn nghệ, đi tham quan, đồng diễn thể dục,...).

G:

– Trường (hoặc lớp em) đã tổ chức hoạt động gì? Ở đâu?

– Hoạt động đó có những ai tham gia? Mọi người đã làm những việc gì?

– Nêu suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.

# Một số thuật ngữ dùng trong sách


| Thuật ngữ | Trang |
|---|---|
| **B** | |
| bài thơ | 15 |
| **C** | |
| ca dao | 113 |
| câu | 10 |
| câu chuyện | 11 |
| câu hỏi | 11 |
| câu thơ | 22 |
| **D** | |
| dấu câu | 71 |
| dấu chấm | 14 |
| dấu chấm hỏi | 14 |
| dấu chấm than | 45 |
| dấu phẩy | 60 |
| **Đ** | |
| đoạn văn | 37 |
| đồng dao | 40 |
| **K** | |
| khổ thơ | 35 |
| **N** | |
| nhân vật | 69 |
| **T** | |
| tiếng | 13 |
| từ | 13 |
| từ ngữ | 10 |
| **V** | |
| vè | 39 |


## Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài


| | Trang |
|---|---|
| An-đéc-xen (Andersen) | 41 |
| Dim-ba-bu-ê (Zimbabwe) | 77 |
| Lô-gô-xơ (Logos) | 80 |
| Ma-ô-ri (Mãori) | 77 |
| Niu Di-lân (New Zealand) | 77 |
| Tun Te-le-gơn (Toon Tellegen) | 79 |


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

**Chịu trách nhiệm nội dung:**
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Biên tập tái bản: LÊ THUÝ PHƯƠNG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGUYỄN THUÝ QUỲNH
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: BÙI VIỆT DUY – NGUYỄN THẾ PHI – NGUYỄN THÀNH TUYÊN
LÊ MẠNH CƯỜNG – NGUYỄN HỒNG QUÂN
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

**Bản quyền © (2021) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.**

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TIẾNG VIỆT 2 - TẬP HAI**
**Mã số: G1HH2V002h26**
In ..... bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/17-09/GD
Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-25143-5
Tập hai: 978-604-0-25144-2

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

**BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

1. Tiếng Việt 2, tập một
2. Tiếng Việt 2, tập hai
3. Toán 2, tập một
4. Toán 2, tập hai
5. Tự nhiên và Xã hội 2
6. Đạo đức 2
7. Âm nhạc 2
8. Mĩ thuật 2
9. Hoạt động trải nghiệm 2
10. Giáo dục thể chất 2
11. Tiếng Anh 2

**Website:** https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-25144-2

9 786040 251442

*Giá: 18.600 đ*